

THÀNH DUY THỨC LUẬN THUẬT KÝ

QUYỂN 10 (PHẦN ĐẦU)

Luận: “Tiếp theo tu tập vị, tướng nó thế nào?”

Thuật rằng: Dưới đây thuyết minh Tu đạo. Tiên kiến đạo là chỉ ở tại Sơ địa, tâm mới nhập Địa. Tu đạo của luận này thì trừ tâm mới nhập Địa, tâm xuất tướng kiến đạo đã trụ và tâm xuất Địa, cho đến Thập Địa, cuối cùng là đến kim cương Vô gián đạo, đều gọi là Tu đạo. Điều này đã đặt câu hỏi rồi, đến sau sẽ biết.

Luận: “Tụng nói rằng”, đến “liên chứng đắc chuyển y”.

Thuật rằng: Đây là nêu ra tụng đáp, tức là tâm trụ và xuất đối với Sơ địa, sao đó dần dần đến cứu cánh kim cương đạo, vì đều đoạn chủng tử câu sinh pháp chấp, đến Vô học vị thì liên chứng chuyển y.

Luận: “Bồ-tát từ trước”, đến “trí vô phân biệt”.

Thuật rằng: Dưới đây giải thích có hai phần:

1. Giải thích sơ lược văn tụng.
2. Rộng giải thích nghĩa của tụng.

Trong phần đầu lại có hai đoạn:

1. Giải thích ba câu trên, chánh hiển tướng của vị.

2. Thuyết minh tu vị này đối với cứu cánh vị liên chứng chuyển y.

Tu đạo của Thập Địa tu trí vô phân biệt, là đoạn trừ chướng để chứng chuyển y. Sinh khởi các văn dưới đây. Nhưng không phải chỉ có trí là thể của tu tập vị, đây là từ sở duyên năng đoạn đạo mà nói sơ lược, không nói pháp khác.

Luận: “Trí này viễn ly”, đến “và bất tư nghì”.

Thuật rằng: Viễn ly sở thủ gọi là vô đắc, viễn ly năng thủ thì nói là bất tư nghì. Đây là giải thích câu thứ nhất của tụng, tức là một trí thể lìa kế sở chấp, thật ra sở thủ và năng thủ nói là vô đắc, không phải không có Kiến phần.

Luận: “Hoặc lìa hý luận”, đến “gọi là bất tư nghì”.

Thuật rằng: Tức là một trí thể không có phân biệt, có phân biệt là hành tướng của hý luận, tức là Hậu đắc trí cũng gọi là hý luận. Hoặc Hữu lậu phân biệt nói là hý luận, vì sự thiên chấp tăng lên cho nên gọi là hý luận, tức là Hậu đắc trí không gọi là hý luận. Nếu y theo giải thích trước thì năng đoạn hai chướng vô phân biệt trí gọi là diệu dụng, là bất tư nghi. Hoặc y theo giải thích sau, tức là Vô lậu trí đều lia lỗi lầm, có thể ngược lại sinh tử, gọi là diệu dụng, là bất tư nghi. Trong văn của luận chỉ phỏng theo giải thích trước, luận tự hiển bày.

Luận: “Là Xuất thế gian”, đến “trí vô phân biệt”.

Thuật rằng: Giải thích câu thứ hai của tụng. Trí vô phân biệt có đủ hai nghĩa giải thích:

1. Đoạn thế gian.
2. Thể Vô lậu.

Hậu đắc trí thì không như vậy, không gọi là xuất thế.

Luận: “Vì niệm tu trí này”, đến “cho nên nói là xả”.

Thuật rằng: Giải thích câu thứ ba của tụng. Trái với tế thì gọi là thô, trái với khinh thì gọi là trọng. Thô trọng của chủng tử Sở tri chướng đến kim giai vị mới trừ. Hoặc là luận phiền não không phải chủng tử thì các Địa đều cũng đoạn trừ. Đây là hiển từ Thập Địa tu trí vô phân biệt, đến Kim cương tâm thì đoạn trừ chủng tử phiền não. Trong Thập Địa thì đoạn sắc tri chướng, tổng hợp mà nói là đoạn hai chủng tử. Đây là phỏng theo cứu cánh tận chỉ có tại kim cương, khi kim cương tận thì chứng quả chuyển y.

Luận: “Trí này có thể xả chủng tử kia”, đến “chuyển y quảng đại”.

Thuật rằng: Do Thập Địa tu trí cứu cánh, đến Phật Địa thì chứng chuyển y. Giải thích câu tụng thứ tư, trong đó có hai chữ “lại nữa” để giải thích, tức là là hai quả.

Luận: “Y là sở y”, đến “hai quả chuyển y”.

Thuật rằng: Đây là giải thích thứ nhất. Tổng làm biệt, y theo đoạn nhiệm cho nên không có sở chấp, vì sinh thanh tịnh cho nên đắc hai quả, vẫn còn lại dễ hiểu. Đồng với quả đoạn phần của Nhiếp luận giải thích chuyển y, luận vô tánh quyển 9 cũng đồng Nhiếp luận, nhưng vẫn có rộng hơn chút ít. Nói chuyển y, chuyển là chuyển xả và chuyển đắc, y là sở y, tức là chuyển sở y đó gọi là chuyển y - Y sĩ thích. Lại nữa, giải thích văn này, các tà lý chấp trước, chánh lý ly đảo, chuyển đắc và chuyển y trên Y tha sự. Sự là chỗ y của lý, cho nên gọi là chuyển y, luận Vô Tánh ghi: “Hai sở y chỉ” thì chuyển y cũng là Trì nghiệp thích.

Nhưng năng y và sở y này hợp chung làm chuyển y, cho nên không có Trì nghiệp thích. Luận này nói Y tha khởi là chuyển y, là lưu chuyển y và hoàn diệt y, tức là sở xả và sở đắc. Sở đắc thì thông với hai quả chuyển y, do sở chấp cho nên khởi pháp Hữu lậu. Pháp Hữu lậu bị đoạn thì sở chấp gọi là xả, không phải riêng có thể mà gọi là xả.

Luận: “Hoặc y tức là”, đến “sở y của nó”.

Thuật rằng: Sư thứ hai giải thích, y tức là Chân như, là sở y của mê và ngộ.

Luận: “ngu phu điên đảo”, đến “đoạn chướng chứng đắc”.

Thuật rằng: Người ngộ Chân như này thì chứng Niết-bàn, vì Niết-bàn tức là Chân như lia pháp tạp nhiễm. Lại nữa, giả Niết-bàn y theo chân mà lập, năng và sở khác nhau. Vị này đoạn chướng, sau Kim cương tâm mới đắc.

Luận: “Tuy đối với vị này”, đến “gọi là pháp thân”.

Thuật rằng: Bồ-đề của nó khắp chỗ hiển của ý tụng trong đây, chỗ ý tụng hiển như tụng sau nói an lạc, giải thoát thân và Đại Mâu-ni danh pháp. Mâu-ni nghĩa là Tịch mặc, vì ngưng dứt vắng lặng tất cả tạp nhiễm, không phải Bồ-đề kia là tánh Duy thức, mà ngay Đại Mâu-na gọi là pháp thân. Trong quyển 78 ghi: “Nhị thừa có tên giải thoát thân này, cho nên nói ba Thừa bình đẳng bình đẳng”. Bồ-đề của sư thứ nhất cũng gọi là chuyển y, như trong tụng sau tự giải thích rõ. Từ trên đến đây giải thích sơ lược văn của hai tụng đã xong. Từ đây xuống là nói rộng văn của tụng trước, có ba phần:

1. Hỏi.
2. Lược đáp.
3. Giải thích rộng.

Luận: “Thế nào là chứng đắc hai thứ chuyển y?”

Thuật rằng: Đặt câu hỏi song song nhân năng chứng và quả sở đắc.

Luận: “Là trong Thập Địa”, đến “do đây mà chứng đắc”.

Thuật rằng: Tiếp theo là lược đáp. Trong Thập Địa, là các Địa vị phải trải qua. Tu mười thắng hạnh, là nhân của chỗ tu, là đoạn pháp đối trị mười trọng chướng. Trong đây nói trọng, như đầu quyển 1 giải thích. Chứng mười Chân như, là pháp quán chiếu. Do bốn thứ nhân này mà hai quả Chuyển y do đây mà được chứng đắc. Sau khi chứng Chuyển y thì chắc chắn có Địa vị trải qua. Địa vị có nhiều thứ, mà lại nói phần nhỏ Địa vị có thể chứng được, là tu tập vị, cho nên ở đây đầu tiên là thuyết minh Thập Địa. Thập Địa này không có riêng thể, khi tu mười

thắng hạnh đoạn mười trọng chương chứng mười Chân như thì gọi là Thập Địa. Đây là giải thích chung riêng vị, đã biết phần vị chắc chắn là có tu hành, cho nên tiếp theo Thập Địa là thuyết minh mười thắng hạnh, tức là nói rộng về vô đắc bất tư nghì ở trước là Xuất thế gian trí. Đã tu thắng hạnh này thì phải có chỗ làm nhân, cho nên tiếp theo là thuyết minh đoạn mười trọng chương, tức là nói rộng về xả hai thứ thô trọng trong tụng. Lại biết sở đoạn là mười trọng chương thì chắc chắn phải có sở chứng, cho nên tiếp theo là thuyết minh thập chủng Chân như, là nói rộng khi xả hai thô trọng trong tụng thì tức là Chuyển y. Tuy đã chứng từng phần thì chưa gọi là viên mãn, đây là Địa vị của nhân. Nói rộng ba câu trước, tức là lần lượt ngộ nhập, hai thứ Chuyển y do đây mà được chứng đắc. Thuyết minh quả sở đắc tức là nói rộng câu thứ tư của tụng trước, chính là thuyết minh sự ngộ nhập, tổng làm câu văn lược đáp thứ hai.

Luận: “Nói về Thập Địa”, đến “là sinh đại hỷ”.

Thuật rằng: Phần thứ ba lần lượt nói rộng câu đáp trước:

1. Nói rộng nhân.
2. Nói rộng quả.

Trong nói nhân có bốn phần, phần đầu nói rộng Thập Địa. Phần này có ba đoạn:

1. Giải thích mười tên riêng.
2. Nêu thể tánh của Địa.
3. Giải thích đều là nghĩa của Địa.

Người mới được Thánh tánh, là mới đoạn phàm tánh. Thể của dị sinh tánh chỉ có hai thứ chương, hoặc Thánh tánh này lấy trí chủng ban đầu của ba Thừa, chính có thể sinh công năng hiện hành gọi là Thánh tánh. Y theo sự phân riêng hai chủng mà lập dị sinh tánh. Câu sinh hai chương chủng tuy có, nhưng cũng không phải phàm phu, vì y theo năng sinh sơ Vô lậu chủng lập Thánh tánh, khi còn phàm phu có sơ Vô lậu chủng, nhưng không phải Thánh tánh, vì chưa có thể sinh. Chương của phân biệt chương ngại Thánh tánh thì gọi là phàm tánh. Tánh của Vô lậu có thể đoạn phàm tánh thì gọi là Thánh tánh. Nếu như thế thì các Vô lậu sau đáng lẽ không phải Thánh tánh, vì không thể đoạn các chương của phân biệt? Điều này cũng không phải như vậy, vì tánh năng đoạn, vì là loại của nó, cũng gọi là Thánh tánh. Mỗi mỗi đều tùy theo tự thừa sở trị đã làm phàm tánh thì cũng tùy theo Tự thừa năng trị mà làm Thánh tánh, tức là tùy theo một Không và hai Không trí làm thể. Hoặc hiện hành trí làm thể thì đấy khởi tâm Thế tục đáng lẽ không phải là

bậc Thánh. Hoặc Thánh tánh của Bồ-tát là đại Sĩ phu, không giống như Thánh tánh của Nhị thừa Tiểu nhân, đây là nguyên nhân thứ hai chứng đủ hai Không, lựa riêng với Nhị thừa chỉ chứng một Không. Từ thuyên mà nói, nói Chân như là Không, hoặc Chân như không phải Không, là nguyên nhân thứ ba có thể lợi ích tự và tha, lựa riêng với Nhị thừa kia chỉ có tự lợi. Do ba nhân đạt được Thánh tánh của đại sĩ, chứng đủ hai Không và lợi ích tự tha, cho nên sinh đại hỷ. Địa này gọi là cực hỷ Địa, lựa riêng với Hậu Bồ-tát không phải mới đắc Thánh tánh, không gọi là cực hỷ. Nếu như thế thì Sơ quả của Bồ-tát tại sao không gọi là dự lưu? Luận Đối Pháp quyển 14 ghi: “Duyên gì mà Bồ-tát đã được siêu thăng mà không phải dự lưu? Do đắc bất trụ đạo, vì xưa nay hạnh dự lưu không thành tựu, vì dự vào dòng Thánh ưa thích trụ nơi đạo, vì chán mà ra khỏi sinh tử. Duyên gì cũng không phải Nhất Lai mà thọ chư hữu vô lượng sinh, và duyên gì cũng không phải là bất hoàn? Vì an trụ Tĩnh lự sinh trở lại cõi dục”. Luận Thập Địa quyển 5 ghi: “Bồ-tát sinh cõi dục không thoái chuyển Tĩnh lự”. Luận Đối Pháp quyển 13 ghi: “Bồ-tát đều lia cõi Vô sắc mà sinh, Tĩnh lự tương ứng, trụ Tĩnh lự lạc mà sinh cõi dục hoặc trong cõi Sắc, đã chứng đắc oai đức của Bồ-tát. Phạm là chỗ thọ sinh của Bồ-tát đều là muốn lợi ích an lạc hữu tình, vì cõi Vô sắc không phải là chỗ hữu tình thành thực. Luận kia tự giải thích rằng: “Trụ Tĩnh lự, là do Bồ-tát này khéo léo xoay chuyển”. Văn này của luận Hiển Dương và luận Du-già không phải một. Do nghĩa này cho nên không gọi là bất hoàn, vì còn hoàn trở lại nữa. Tại sao không gọi là A-la-hán? Tên này cũng có thể gọi, như quyển 3 trước đã dẫn chứng, đến quyển ngọn này thì sẽ hiểu. Do đây mà Sơ địa Bồ-tát không gọi là dự lưu. Quả của dự lưu không gọi là cực hỷ. Nhiếp luận quyển 7 thì có nhị lợi cho nên gọi là hỷ, vì đối với nhị lợi đó mà gọi là cực hỷ. Luận Vô Tánh ghi: “Nếu hỷ của Sơ địa không tương ứng thì tự sau các Địa cũng không tương ứng, vì Sơ địa này là trước”. Luận Thập Địa quyển 1 ghi: “Không có nhị lợi trên, vì mới chứng Thánh Địa thì phần nhiều là sinh hoan hỷ”, tức là cùng với hai nhân của luận này đồng, chỉ có chứng hai Không là luận này riêng có. Quyển 47 ghi: “Địa này vì khéo quyết định, bốn tướng phát tâm, phát khởi tinh tấn, phát chánh nguyện, tịnh tu pháp Địa, khai hiểu các Địa khác, tu trị thiện căn, thọ sinh và oai lực”. Như luận kia và kinh Thập Địa quyển 1, 2, ba giải thích. Kinh Anh Lạc tuy giải thích riêng tên của Thập Địa, nhưng không bằng luận này. Địa này thì nguyện làm tối thắng, có Thập đại nguyện, đều như hai luận kia nói.

Luận: “Hai là ly cấu Địa”, đến “vì phiền não cấu”.

Thuật rằng: Khi ở Sơ địa thì đã lìa phạm giới thô cấu, nhưng Địa thứ hai này thì hoàn toàn lìa xa, do đó mà nói. Vì mong vi tế ở trước, trong mười một chương dưới đây phân rõ hai chương nhiếp. Tịnh Thi-la, là biệt giải thoát và đạo định cộng giới, tức là thông cả ba thứ. Tuy Địa thứ ba mới phát định tăng trưởng, khi có thể lìa lỗi thì Địa này đã mãn. Hoặc y theo Biệt giải thoát thì cũng có thể hoàn toàn lìa gia hạnh tội, hậu khởi tội và căn bản tội, không phải định đạo cộng có thể lìa gia hạnh tội và hậu khởi tội. Nhiếp luận của Thế Thân nói: “Địa thứ hai này tánh giới thành tựu, không phải như Sơ địa do tư trạch hộ giới”. Vì tánh giới thành tựu cho nên các sự phạm giới cấu đều đã lìa rất xa. Tại sao Sơ quả đã đủ tánh giới, còn trong Cực hỷ Địa thì nói chưa đủ? Phần lớn đều đã đủ, nhưng vẫn còn sai phạm tội lỗi vi tế. Lại nữa, luận về tánh giới thì Sơ địa đã xa lìa, Bồ-tát nhập Địa cũng không đồng, vì Sơ quả và Nhị quả cũng còn có thể tử, tánh tội thì chắc chắn không phạm, chỉ đối với sự ngăn trách tội lỗi còn có sai phạm thì Địa thứ hai này đều có thể vĩnh viễn lìa. Ngoài ra, các luận khác đều đồng, dưới đây các luận đều đồng, khởi phiền trình bày. Dưới đây các Địa đều như luận Du-già quyển 48, luận Thập Địa quyển quyển 4 trở đi, mỗi mỗi đều giải thích một quyển, không dẫn ra phiền phức.

Luận: “Ba là Phát quang Địa”, đến “vì ánh sáng của diệu tuệ”.

Thuật rằng: Trong Địa thành tựu định là thù thắng. Định là Tam-ma-địa, Tam-ma-bát-đề. Luận Vô Tánh ghi: “Nói rằng, Tĩnh lực gọi là đẳng trì, các Vô sắc gọi là Đẳng chí”. Hoặc đẳng trì, là nói một cảnh tướng của tâm, Đẳng chí là nói chánh thọ hiện tiền, như trước đã giải thích. Đà-la-ni, ở đây gọi là tổng trì. Tổng trì có bốn thứ:

1. Pháp.
2. Nghĩa.
3. Chú.
4. Năng đắc nhãn.

Chỗ đối trị của Địa là tánh trì độn, đối với ba tuệ hay có chương vọng thất. Địa này thì không có quên mất pháp kia, gọi là tổng trì đại pháp. Pháp là giáo pháp, giáo thù thắng thì gọi là đại pháp. Định này và tổng trì làm nhân, có thể phát sinh vô biên diệu tuệ quang, cho nên tổng trì lấy tuệ và niệm làm tánh, là lấy ba thứ văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ chiếu liễu Đại thừa pháp. Nương theo đặc định đoạn chương, văn tuệ và tư tuệ chuyển thêm thù thắng, không phải do định lực thân cận có thể khởi hai thứ văn tư này. Luận Thập Địa: “Tùy theo ba tuệ chiếu soi mà

pháp hiển hiện cho nên gọi là minh Địa.

Hỏi: Tại sao mười độ và năm tu thiên và ba phước nghiệp?

Đáp: Địa này thì tu định, sau đây sẽ biết, lại trong mười một Chương sẽ tự giải thích.

Luận: “Bốn là điểm tuệ Địa”, đến “vì tuệ tăng như ngọn lửa”.

Thuật rằng: Tức là trừ câu sinh thân kiến nhiếp trong Thức thứ sáu, không phải nói là tất cả, đến sau sẽ hiểu. Thế Thân nói: “Có thể thiêu tất cả căn bản phiền não đều thành tro tàn”. Thập Địa ghi: “Không quên củi phiền não, chỗ thiêu của hỏa trí”. Lấy Bồ-đề phân pháp làm tuệ, không phải đều là tuệ, như ánh lửa của tuệ. Đây là từ hoả ví dụ mà đặt tên. Bồ-đề phân pháp như Biệt Chương nói.

Luận: “Năm là cực nan thắng Địa”, đến “vì rất khó thắng”.

Thuật rằng: Thế Thân nói: “Biết Chân đế trí là vô phân biệt, biết trí trong sách luận của các thế gian là hữu phân biệt”. Hai trí này trái nhau, đáng lẽ tu cho hợp lại, vì có thể hợp và khó hợp khiến cho tương ứng. Luận Vô Tánh ghi: “Trí của Chân đế và Tục đế trái nghịch lẫn nhau, khó có thể dẫn phát khiến cho cùng chung tương ứng”. Trí này thì có thể khiến cho không trái nhau, vì trí trước không bằng, gọi là cực nan thắng, không phải mong trí sau. Tương ứng, là đối với chân quán thành tục khiến cho cảnh tương nhập lẫn nhau gọi là tương ứng, là trong một niệm cả hai trí cùng khởi, đây là khiến cho một niệm mà hai trí cùng sinh gọi là hợp thì cũng được, bốn Địa trước thì chưa có thể được. Lại nữa, cảnh đồng nhau gọi là tương ứng, vì bốn Địa trước quán cảnh của hai Đế cũng có sai biệt. Trí này quán cảnh đó lại không có sai biệt, khiến cho Chân đế trí và Tục đế trí đã không trái nhau thì gọi là tương ứng - trong Thức thứ hai trước đã có đặt vấn nạn, như trong đó nói rộng - vì biết hai cảnh kia không có sai biệt, cho nên Chân như này gọi là vô sai biệt.

Luận: “Sáu là hiện tiền Địa”, đến “vì khiến cho hiện tiền”.

Thuật rằng: Là quán mười hai chi duyên khởi, có tối thắng trí quán thì không có nhiễm và tịnh, vì khiến cho hiện tiền cho nên gọi là vô sai biệt. Địa thứ bảy thì thành Hữu, Địa thứ tám thì thành Vô. Nhiếp luận của Thế Thân cũng đồng. Luận Thập Địa: “Bát-nhã Ba-la-mật-đa hạnh là hữu giá, đại trí thì trụ hiện tiền.

Luận: “Bảy là Viên hành địa”, đến “vì Nhị thừa đạo”.

Thuật rằng: Thế Thân nói: “Địa này đối với công dụng được đến cứu cánh. Tuy tất cả tướng không thể dao động, nhưng đối với hữu tướng thì cũng còn gọi là hữu hạnh”. Luận Thập Địa: “Khéo tu vô công

dụng cứu cánh của vô tướng hạnh thì có thể vượt qua Nhị thừa thế gian và Xuất thế gian đạo”. Địa này vượt qua khỏi Nhị thừa đạo của thế, là trong Địa thứ sáu trước tuy có duyên khởi tịnh và nhiễm không hai, cũng còn có chỗ đối trị tế tướng của chướng hiện hành, vì chấp có tướng sinh diệt, lưu chuyển và hoàn diệt, không thể trong Không mà khởi có thắng hạnh. Hiện tại trong Địa này thì vĩnh viễn xa lìa chướng đó, cũng có thể trong Không khởi có thắng hạnh, có thể đối trị chướng đó. Nhị thừa thế gian thì không thể như vậy.

Luận: “Tám là bất động Địa”, đến “vì không thể dao động”.

Thuật rằng: Tướng là hữu tướng, dụng là công dụng. Luận Vô Tánh ghi: “Tất cả hữu tướng và tất cả gia hạnh đều không thể dao động tâm của Địa này”. Địa thứ bảy tuy tất cả tướng không thể dao động vì không hiện hành, nhưng không tự tại tùy ý mà chuyển có gia hạnh, cho nên cũng còn có phiền não. Trong Địa thứ tám thì tùy ý mà chuyển, không nương vào gia hạnh vì vô công dụng, cũng không có phiền não. Sự sai biệt của Địa thứ bảy và Địa thứ tám, luận Thập Địa: “Báo hạnh thuần thực vô tướng và Vô gián cho nên gọi là bất động”. Từ Địa này trở đi là thuyết minh biết vô tướng không phải hữu gián.

Luận: “Chín là thiện tuệ Địa”, đến “vì khéo thuyết pháp”.

Thuật rằng: Luận Vô Tánh ghi: “Đắc tối thắng vô ngại giải, trong các trí thì Địa này là tối thắng”. Trí tức là tuệ, cho nên gọi là thiện tuệ. Thế Thân nói: “Tuệ này rất khéo diệu cho nên gọi là thiện tuệ”. Luận Vô Tánh ghi: “Do pháp vô ngại giải mà tự tại biết rõ tất cả pháp cú. Do nghĩa vô ngại giải mà tự tại thông đạt tất cả nghĩa lý. Do từ vô ngại mà tự tại phân biệt tất cả ngôn từ. Do biện vô ngại khắp mười phương, tùy chỗ tuyên thuyết mà tự tại phân rõ tuyên thuyết”. Trong Địa này ban đầu chứng trước hết là chưa từng đấng vô ngại giải trí, cho nên gọi là thiện tuệ. Có thể khắp mười phương, luận Thập Địa: “Vì vô ngại lực thuyết pháp thành tựu hạnh lợi tha”.

Luận: “Mười là pháp vân Địa”, đến “vì pháp thân sung mãn”.

Thuật rằng: Luận Vô Tánh ghi: “Do được tổng duyên tất cả trí, tổng duyên tất pháp của Khế kinh mà không lìa Chân như thì tất cả pháp cộng tướng cảnh trí này ví như vầng mây lớn, Đà-ra-ni môn và Tam-ma-địa môn cũng như tịnh thủy; trí có thể tàng trữ như vầng mây kia hàm chứa nước, vì có thể sinh công năng thù thắng kia. Lại nữa, như vầng mây lớn che khuất hư không, như vậy pháp trí che khuất hai chướng hoặc và trí rộng lớn vô biên như hư không. Hai chướng hoặc và trí này gọi là thô trọng. Luận đó lại ghi: “Lại nữa, vầng mây đó mưa

thanh tịnh thủy đầy khắp hư không”. Như vậy pháp trí sinh ra vô lượng công đức thù thắng, vì đầy khắp bản thân sở y và sở chứng. Thế Thân nói: “Nói sung mãn, là nghĩa chu biến”. Luận Thập Địa quyển 1 ghi: “Đắc đại pháp thân đầy đủ tự tại gọi là pháp vân Địa”. Quyển 12 ghi: “Thân đầy khắp như vầng mây, cho nên trừ cấu”. Là mầm thứ của tám tướng thành đạo độ chúng sinh, Địa này như vậy thọ pháp Vương vị, như Thái tử của vua đối với các Vương tử khác mà được tự tại, chỉ do là Thái tử đó có vi tế trí chướng cho nên không được tự tại, để đối trị chướng này cho nên nói sau cùng là nói Phật Địa. Thập Địa quyển 12 ghi: Địa này khi đắc thọ vị thì có mười tướng:

1. Chủ tướng, vì Đại bảo hoa vương xuất hiện.
2. Lượng tướng, vì tròn đầy như mười A-tăng-kỳ trăm ngàn Tam thiên Đại thiên thế giới.
3. Thắng tướng, vì tất cả vật báu đều thi thố trang nghiêm.
4. Địa tướng, vì vượt hơn tất cả cảnh giới của Thế giới.
5. Nhân tướng, vì chỗ sinh thiện căn xuất thế.

Đều như luận đó nói. Lại nữa, như khi mang thai còn ẩn tàng, mười Thời của Bồ-tát cũng như thế. Luận đó nói mười vị, không phiền dẫn hết ra. Luận Du-già trong quyển 48 đều giải thích rộng hạnh, đức và danh, không phiền dẫn ra. Luận này thì phần thứ nhất đã giải thích riêng về danh rồi, như kinh Thập Địa.

Luận: “Như vậy Thập Địa”, đến “lấy làm tự tánh”.

Thuật rằng: Năng chứng và sở chứng lấy là thể của Địa. Có thể nói: “Phần vị của pháp Vô ngã trí gọi là Địa, vì Chân như không có phần vị, trí thì có phần vị, do đó trí gọi là Địa”. Luận này thì nêu chung ra nghĩa thể của Địa, sở chứng cũng là Địa, vì Địa có nghĩa là Y Trì Sinh Trưởng. Quyển 47 ghi: “Do nghĩa năng nhiếp trì Bồ-tát cho nên gọi là Địa, có thể làm nghĩa của thọ dụng và cư xử cho nên gọi là trụ” thì Chân như cũng gọi là Địa, vì năng nhiếp trì, tức là thật pháp mượn làm sở y cho nên thật pháp gọi là Địa. Đó là phần thứ hai nêu thể.

Luận: “Cùng với chỗ tu hành”, đến “cho nên gọi là Địa”.

Thuật rằng: Quyển 47 ghi: “Lấy nghĩa năng nhiếp trì Bồ-tát gọi là Địa”. Nghĩa nhiếp kia tức là nghĩa y trì sinh trưởng của luận này. Trì nghĩa là nương giữ, tức là thông với chánh trí của Chân như, vì đều có thể sinh trưởng để y trì, cho nên gọi là Địa. Chân như là tên gì mà khiến cho được sinh trưởng? Luận này không nói Chân như là năng sinh, chỉ nói hạnh là sở sinh, vì Chân như làm Tăng thượng duyên, hạnh thì từ chủng tử sinh, tức là lấy công đức thù thắng cùng với hạnh làm công đức nhiếp

trì gọi là Địa. Đây là phỏng theo quả và công đức nhân Địa của nhân làm sở đắc của hạnh. Nhưng giả mượn tổng pháp làm năng y, công đức của pháp khác làm Địa thù thắng. Trong văn của luận này thì đó là phần thứ ba giải thích chung tên của Địa. Kinh Anh lạc ghi: ỏ Tì tất công đức gọi là Địa, sinh thành tất cả nhân quả gọi là Địa”. Luận Vô Tánh ghi: “Là các hàng Bồ-tát trong Địa này tu tập hiện quán, lia lỗi, lia tham, tu Bồ-đề phần, quán sát các đế, quán sát duyên khởi, trong vô tướng hoặc có công dụng, hoặc không có công dụng, đắc thắng biện tài, đến chân quán đánh thì trừ diệt Sở tri chướng và phiền não chướng”, đến nói rộng chỗ tu các hạnh của Địa đó, không phiền dẫn ra. Luận Hiển Dương quyển 3 cũng giải thích, có sai biệt nhỏ, đọc giả nên biết.

Luận: “Mười thắng hạnh”, đến “Ba-la-mật-đa”.

Thuật rằng: Phần thứ hai giải thích thắng hạnh. Trong đó có hai đoạn:

1. Nêu chung mười thập hạnh, tức là Ba-la-mật-đa.
2. Giải thích rộng.

Trong giải thích rộng có bốn phần, đến sau sẽ biết. Phần đầu lấy mười ba môn giải thích rõ.

Luận: “Thí có ba thứ” đến “pháp thí”.

Thuật rằng: Luận Đối Pháp quyển 12 thì đồng, vì cùng mười tám nhậm trì nhiếp nhau. Tài là thân nhậm trì, vô úy là tâm nhậm trì, pháp thí là pháp thiện nhậm trì. Trong thí của Nhiếp luận quyển 7 lấy pháp, tài và vô úy làm thứ tự, Nhiếp luận quyển 2 thì đều nói pháp giúp ích thiện căn, tài thì giúp ích cho thân của người khác, vô úy thì giúp ích cho tâm của người khác, về thứ tự thì không đồng nhau, nhưng ý nghĩa thì đồng với luận này. Luận Vô Tánh quyển 7 ghi: “Trong tánh của thí, hiện có sáu Ba-la-mật-đa, là chỗ nhiếp của tài thí, vô úy thí và pháp thí”. Luận Đối Pháp ghi: “Thí độ là tài thí, năm độ còn lại là vô úy thí, tất cả sáu độ là pháp thí”. Điều này cùng với Kim cương Bát-nhã luận của Thế Thân trái nhau. Kim cương Bát-nhã Luận: “Đàn độ nhiếp sáu độ, tư sinh, vô úy và pháp”. Thứ nhất, thứ hai, thứ ba trong đây gọi là tu hành trụ, giải thích phối hợp như thứ tự. Quyển 78 và đầu quyển 39 thì lấy tài, pháp và vô úy là thứ tự. Quyển hạ lại nói tài, vô úy và pháp làm thứ tự, đồng với luận này. Các luận kia đều giải thích rộng tương đó, không phiền dẫn ra. Nhưng thí tài thì gọi là tài thí, bố thí người khác không khiến cho kinh sợ hung dữ thì gọi là vô úy thí, pháp thí thì có thể biết rồi.

Luận: “Giới có ba thứ”, đến “nhiều ích hữu tình giới”.

Thuật rằng: Luật Nghi giới là thiện nhậm trì, vì là nhân của thiện, nhiều ích hữu tình giới là đại bi nhậm trì. Luật là pháp luật, nghi là nghi thức. Luận Vô Tánh ghi: “Đối với Bất thiện, có thể viễn ly, phòng hộ và thọ trì, cho nên gọi là luật nghi, luật nghi này tức là giới, cho nên gọi là luật nghi giới. Luận Thế Thân và luận Vô Tánh đều nói luật nghi giới là y trì giới, để hiển chỗ kiến lập của hai giới còn lại. Do đó người an trụ luật nghi giới thì có thể kiến lập nhiếp pháp thiện giới, sau đó tập hợp các Phật pháp, đặc tướng ích hữu tình vô tội lợi ích. Thất chúng giới là thể thứ nhất, tất cả Phật pháp là cõi thứ hai, tế độ các hữu tình là giới thứ ba. Quyển 78 ghi: “Chuyển xả Bất thiện giới thì chuyển sinh thiện giới, chuyển sinh lợi sinh giới”. Nghĩa cũng đồng với luận này.

Luận: “Nhẫn có ba thứ”, đến “đế sát pháp nhẫn”.

Thuật rằng: Luận Đối Pháp ghi: “Nhịn oán thì hại Nhẫn là không xả nhậm trì của hữu tình. Nếu không nhịn oán hại thì đối với oán kia là xả bỏ oán kia, an thọ khổ nhẫn là xả bỏ nhậm trì hạ liệt của tâm, vì nếu tâm hạ liệt thì không thể thọ khổ”. Đế sát pháp nhẫn là vô sanh pháp nhẫn nhậm trì, Thế Thân đồng với luận này. Luận Vô Tánh ghi: “Nhẫn thứ nhất là các hữu tình thành thực chuyển nhân, an thọ khổ nhẫn là nhân thành Phật, vì các thứ khổ hàn nhiệt đều có thể nhẫn thọ không thoái chuyển. Đế sát pháp nhẫn là chỗ y chỉ của hai nhẫn trước, kham chịu đảm đương đại pháp rất sâu rộng”. Quyển 78 thì tên đồng nhau.

Luận: “Tinh tấn có ba thứ”, đến “lợi lạc tinh tấn”.

Thuật rằng: Nhiếp luận đều ghi: “Một là bị giáp tinh tấn”, tức là giải thích câu “có thể lực” trong kinh. Luận Đối Pháp ghi: “Thiện căn phương tiện nhậm trì”. Quyển 78 thì đồng. Nhiếp luận nói là: “Hai gia hạnh tinh tấn”, tức là trong giải thích kinh theo thứ tự có chữ căn. Luận Đối Pháp nói là: “Thiện căn viên chứng nhậm trì”. Quyển 78 thì nói là: “Chuyển sinh pháp thiện gia hạnh tinh tấn”, tức là cùng với luận đồng, danh và thể đều rộng. Nhiếp luận ghi: “Không khiếm nhược, không thoái chuyển, không mừng đủ”, tức là chỗ kinh nói câu: “Có dũng, kiên mãnh và không xả thiện ách”. Nhiếp luận của Thế Thân theo thứ tự giải thích rộng, hay hơn chút ít. Luận Đối Pháp thì nói là: “Nhiều ích hữu tình tinh tấn”, tức là thiện căn vô tận nhậm trì. Quyển 78 đồng với Đối Pháp và chỗ nói của luận này. Đối Pháp và luận này lấy nhị lợi làm độ (Ba-la-mật), vì sáu độ đều có nói về lợi sinh, cho nên tinh tấn độ thứ ba gọi là nhiều ích sinh, tức là tinh tấn thứ nhất và thứ hai nhiếp hết năm câu, nhiếp rộng thiện, là thiện căn viên chứng nhậm trì, hoặc phương tiện, hoặc chánh chứng đều là hai thứ tinh tấn này nhiếp, thể thì rộng nhưng

danh thì hẹp, vì nhiếp luận chỉ lấy tự lợi làm tinh tấn độ, ba thứ tinh tấn không có nói về lợi sinh, vì nhiếp năm câu gia hạnh để làm hẹp. Chỉ nhiếp Hữu cần, nhiếp thiện tinh tấn để giải thích năm câu của kinh, không đồng với danh hẹp thể rộng của luận Đối Pháp quyển 12. Lại nữa, danh và nghĩa của dị nhiếp luận đều hẹp, theo ý của luận này thì danh nghĩa đều rộng, lợi lạc hữu tình tinh tấn cùng với luận Đối Pháp đồng nhau, nhưng ba thứ tinh tấn của dị Nhiếp luận cùng với quyển 42 đồng nhau. Cần thứ nhất của luận đó là bị giáp tinh tấn, thế lực thì đồng luận này, hai danh còn lại cũng không khác, nhưng luận kia thì giải thích rộng hơn. Kinh Anh Lạc ghi: “Một là khởi tâm đại thế, hai là phương tiện tấn thú, ba là cần hóa chúng sinh”, không thể phiên dẫn ra.

Luận: “Tinh lực có ba thứ”, đến “biện sự Tinh lực”.

Thuật rằng: Nhiếp luận đồng với luận này. An trụ, là an trụ nơi hiện pháp lạc trụ, luận Đối Pháp gọi là: “Vô yếm quyển nhậm trì”. Luận Vô Tánh thì ghi: “Vì lìa mạn và kiến thì đắc thanh tịnh”. Dẫn phát, là dẫn phát lực thông, như luận Đối Pháp nói chỗ Tư duy các sự đã thành mãn nhậm trì. Biện sự, luận kia gọi là thành sở tác sự. Nghĩa đó cùng với luận này đồng. Y theo đây phân rõ lợi hữu tình sự, vì có thể ngưng dứt sự nghèo túng. Luận Đối Pháp ghi: “Ngự chúng sinh nhậm trì, gọi là nhiều ích hữu tình Tinh lực”, là từ quả đặt tên. Hiện tại trong luận này lấy định năng khởi để phân rõ công năng của hữu tình sự mà lập tên. Quyển 43 ghi: “Một là hiện pháp lạc trụ, từ quả đặt tên. Hai là năng dẫn bồ-tát đẳng trì công đức Tinh lực. Ba là nhiều ích hữu tình Tinh lực”. Nghĩa đều đồng với luận này, quyển 78 cũng đồng.

Luận: “Bát-nhã có ba thứ”, đến “câu Không vô phân biệt tuệ”.

Thuật rằng: Các luận chỉ thuyết minh sáu thứ Độ. Nhiếp luận thì nói lấy gia hạnh, chánh trí và Hậu đắc trí làm ba thứ. Luận Đối Pháp thì nói lấy duyên Thế tục, duyên Thắng nghĩa và duyên hữu tình làm ba thứ. Từ thắng công đức mà nói thì ý đồng với Nhiếp luận. Luận Đối Pháp tự giải thích, là hợp chung Độ thứ mười làm Độ thứ sáu, cho nên đều thông với nhị lợi. Luận này thì riêng khai mở hai trí lý và sự, mỗi mỗi đều thuyết minh riêng, tự lợi của Độ thứ sáu thì chung với Độ thứ mười, cho nên các luận không đồng. Quyển 43 ghi: “Một là chứng Chân như tuệ, hai là năm minh xứ ba tụ trung quyết định thiện xảo tuệ, ba là đại bi tương ứng tuệ”. Tuy thuyết minh về sáu độ thì cũng đồng với luận Đối Pháp, lời văn khác nhau nhưng nghĩa thì một. Quyển 78 thì đồng luận này. Kinh Anh Lạc ghi: “Một là chiếu hữu đế, hai là chiếu vô đế, ba là Trung đạo Nghĩa đế thứ nhất”.

Luận: “Phương tiện thiện xảo”, đến “bạt tế phương tiện thiện xảo”.

Thuật rằng: Trong giải thích Thập Địa của Nhiếp luận quyển 7 thì phương tiện độ là lấy chỗ tụ tập thiện căn của sáu độ trước, cùng chư hữu tình hồi chuyển cầu Vô thượng chánh đẳng Bồ-đề, cho nên Thế Thân nói: “Đây là do Bát-nhã và đại bi”, vì chư thiện căn hồi chuyển cầu Vô thượng Bồ-đề là Bát-nhã, tạo tác tất cả nghĩa lợi của chư hữu tình là đại bi, cho nên luận Vô Tánh ghi: “Không xả sinh tử mà cầu Niết-bàn”, là vì đại bi cho nên không xả sinh tử, vì đại bi cho nên cầu Niết-bàn. Quyển 49 nói như chỗ nói trước. Mười hai hành tướng phương tiện thiện xảo, nên biết gọi là phương tiện thiện xảo độ. Mười hai hành tướng, là quyển 45 trước đã nói, hợp chung có mười hai thứ phương tiện thiện xảo, thành thực Phật pháp có sáu thứ, thành thực hữu tình có sáu thứ, hợp chung lại gọi là mười hai hành tướng. Thành thực Phật pháp có sáu thứ làm Bát-nhã, thành thực hữu tình có sáu thứ làm đại bi, sau đây sẽ giải thích. Luận Đối Pháp quyển 14 nói có bốn thứ phương tiện thiện xảo, xét chỗ đồng và dị, kinh Anh Lạc nói có ba thứ:

1. Tấn thú hương quả.
2. Xảo tổng hợp hữu vô.
3. Tất cả bất xả bất thọ.

Trong hồi hương tức là Bát-nhã, bạt tế tức là đại bi.

Luận: “Nguyện có hai thứ”, đến “lợi lạc cho nguyện của người khác”.

Thuật rằng: Nhiếp luận ghi: “Phát các thứ đại nguyện vi diệu, dẫn nhiếp nhiều duyên của Ba-la-mật trong tương lai”. Luận Vô Tánh ghi: “Cầu duyên đáo bỉ ngạn, vì lợi hữu tình và vì mau chứng Phật quả Niết-bàn”. Thế Thân nói: “Nguyện này tức là độ, gọi là nguyện độ, nguyện vì tương lai, đây là chỗ làm”. Chuyển thanh thứ tư làm tương lai cho nên phát các thứ nguyện. Quyển 49 nói như năm thứ đại nguyện trước gọi là Ba-la-mật-đa. Năm chủng đại nguyện, quyển 45 ghi: “Một là phát tâm nguyện, là sơ phát Bồ-đề tâm. Hai là thọ sinh nguyện, là nguyện tương lai tùy thuận sinh vào các nẻo thiện, nhiều ích hữu tình. Ba là sở hạnh nguyện, là không có tư trạch điên đảo để chọn lựa các pháp, nguyện đối với các cảnh giới tu tập vô lượng các công đức thù thắng. Bốn là chánh nguyện, là nguyện tương lai nhiếp thọ tất cả công đức của Bồ-đề hoặc chung hoặc riêng”. Năm chủng đại nguyện này là từ chánh nguyện phát ra, nguyện này lại có mười thứ, là cúng dường vô biên Phật, trong đây thứ nhất là Bồ-đề nguyện, còn lại là lợi lạc cho nguyện của người khác,

vì lợi ích hữu tình mà phát khởi nguyện này. Sự phối hợp trong đây như vẫn có thể biết. Kinh Anh Lạc có ba thứ:

1. Tự hạnh nguyện.
2. Thần thông nguyện.
3. Ngoại hóa nguyện.

Luận: “Lực có hai thứ”, đến “tu tập lực”.

Thuật rằng: Nhiếp luận ghi: “Do hai lực tư trạch và tu tập, khiến cho sáu độ trước liên tục hiện hành”. Luận Vô Tánh ghi: “Trong đây nói về hai lực, các lực còn lại cũng nhiếp trong đó, vì tư trạch các pháp mà tu tập. Quyển 49 ghi: “Chỗ có mười lực gia hạnh thanh tịnh, gọi là lực Ba-la-mật-đa”. Mười lực gia hạnh thanh tịnh thì trong đó cái nào làm tư trạch, làm tu tập? sự phối hợp của văn nghĩa này có thể biết. Kinh Anh Lạc có ba thứ:

1. Báo sức thần thông.
2. Tu định sức thần thông.
3. Biến hóa sức thần thông.

Luận: “Trí có hai thứ”, đến “thành tựu hữu tình trí”.

Thuật rằng: Nhiếp luận ghi: “Do sáu Độ trước mà thành lập diệu trí, thọ dụng pháp lạc, thành tựu hữu tình”. Luận Vô Tánh ghi: “Do thí... sáu độ mà thành lập trí này, lại do trí này mà thành lập sáu thứ gọi là thọ dụng pháp lạc”. Do diệu trí này có thể hiểu biết đúng thí, giới... nhiều ích hữu tình. Thế Thân nói: “Do Bát-nhã Ba-la-mật-đa trí vô phân biệt tự tánh trí, thành lập Hậu đắc trí, từ trí này mà thành lập sáu Ba-la-mật-đa trước”. Do đây mà tự tạo tác và cùng bậc đồng pháp mà thọ dụng pháp lạc, thành thực hữu tình. Quyển 49 ghi: “Đối với tất cả pháp, an lập như thật thanh tịnh diệu trí, gọi là trí Ba-la-mật”. Nên biết Thắng nghĩa tuệ của năng thủ gọi là tuệ Ba-la-mật, năng thủ Thế tục tuệ gọi là trí Ba-la-mật. Có nhiều chữ “lại nữa” trong bốn độ môn sau, như luận kia rộng giải thích. Tuy quyển 49 nói Diệu trí đối với tất cả pháp, tức là Hậu đắc trí, bàn về thể cho nên đây là một. Hiện tại trong luận này luận về dụng cho nên đây là hai, không trái nhau. Kinh Anh Lạc có ba thứ trí:

1. Vô tướng trí.
2. Tất cả chủng trí.
3. Biến hóa trí.

Tuy dẫn kinh này nhưng chưa có thể làm chứng, vì bốn độ sau tức là thể thứ sáu. Hiện tại luận này thì có hai trí, không có ba trí. Trong đây quyển 18 hoặc 26, đối với Địa tiền có đủ mấy độ, cho đến Phật Địa có đủ bao nhiêu độ? Tài thí trong thí độ thứ nhất nhiếp các độ còn lại sau

là những độ nào, cho đến thành thực hữu tình trí nhiếp các độ trước là những độ nào? Đều như luận Đối Pháp quyển 12 Sao giải thích. Tổng là phần thứ nhất bày ra các tên. Luận Hiển Dương quyển 3 tuy cũng giải thích mười độ, nhưng không có tướng riêng cho nên không phiên dẫn ra. Tiếp theo phần thứ hai nêu ra thể.

Luận: “Tánh của mười độ này”, đến “ba nghiệp làm tánh”.

Thuật rằng: Tức là không có tham tương ứng với tứ, gồm cả chỗ phát thân nghiệp và ngữ nghiệp của tứ kia làm thể. Luận Đối Pháp quyển 11 ghi: “Tự thể của thí, là thân, ngữ và ý nghiệp”. Nhưng là các Độ của ba nghiệp thông với tánh, cho nên không có vô tham. Như quyển 39 rộng lấy chín môn để giải thích về thí độ. Quyển 39 giải thích tự tánh của thí độ rằng: “Chư Bồ-tát đối với tự thân và tài vật không có nuôi tiếc, có thể bố thí tất cả vật đáng thí. Không có tham đồng thời với tứ, và nhân đó mà phát hai vật Năng thí là thân nghiệp và ngữ nghiệp”. Giải thích văn đó có một giải thích, chỉ nắm lấy ba nghiệp, đồng với luận Đối Pháp nắm lấy vô tham đồng thời với tứ, vì không lấy vô tham. Luận này giải thích cũng lấy vô tham, đồng với văn của luận này đối với tài vật không tham mới có thể bố thí. Đã không có Biệt giải, tức là thể tánh của ba thứ thí đều đồng.

Luận: “Giới lấy thọ học”, đến “ba nghiệp làm tánh”.

Thuật rằng: Luận Đối Pháp cũng lấy ba nghiệp đồng với luận này. Quyển 40 ghi: “Luật nghi giới lấy biệt giải thoát giới của thất chúng tại gia và xuất gia làm thể”, tức là chỉ có hai nghiệp. Nhiếp pháp thiện giới, là các hàng Bồ-tát sau khi thọ luật nghi, tất cả vì Đại Bồ-đề từ thân ngữ ý tích tập chư pháp thiện làm thể, tức là thông cả ba nghiệp. Nhiều ích hữu tình giới tóm lược có mười một thứ, như luận kia rộng giải thích cũng thông với ba nghiệp, trong đó luận tổng quát lấy ba nghiệp làm tánh, vì khi thọ học thì ba nghiệp làm tánh. Nhưng Bồ-tát giới thì tự ngưng dứt ác giới, là giới nào nhiếp? Hiện tại vì muốn lập riêng với các chi trước, cho nên nói là thất chúng, thật ra Bồ-tát giới cũng được coi là luật nghi giới, vì Bồ-tát giới có ý nghiệp. Trong đây luận rằng sắc làm thể của luật nghi, cho nên không nói, vì nhiếp thiện giới thì rộng, tức là khiến cho nhập vào nhiếp thiện giới. Luận ra thì cũng được, nếu như thế thì Hữu chi hoặc Vô chi của Bồ-tát giới, giống như sắc pháp hay không? Như Biệt sao mà hiểu, chỗ hỏi kinh của Văn Thù về Bồ-tát có năm chương giới luật, là giới Xuất thế gian, hoặc tâm phân biệt nam nữ hoặc phi nam nữ, là Ba-la-di, vì ba nghiệp cho đến cây lá muốn lấy thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Hoặc nhổ lông cắt tóc như tháng thứ nhất thì

phạm Du-lan-giá, như vậy nói rộng, nhưng bốn Ba-la-di tội của Bồ-tát địa cùng với đây khác nhau, như quyển 40, 41 và nửa quyển 42 lấy rộng chín môn để giải thích.

Luận: “Nhấn để lấy vô sân”, đến “ba nghiệp làm tánh”.

Thuật rằng: Luận Đối Pháp chỉ lấy ba nghiệp làm tánh, vì là thông với tánh, nói rằng ba thứ nhấn lấy chung ba nghiệp làm tánh, cn không riêng nêu ra. Quyển 42 ghi: “Tại sao gọi là nhấn? Tự mình không có phần nộ, không báo oán người khác”, cũng không tùy miên lưu chú tương tục, cho nên gọi là nhấn, đó gọi là Bồ-tát nhịn oán hại nhấn, luận kia có thuyết minh rộng về tướng này, nhịn oán hại nhấn để lấy vô sân, chỗ khởi ba nghiệp làm tánh. Quyển đó lại ghi: “Gặp chỗ khổ của thế pháp có chín thứ là suy, hủy, cơ, khổ, hoại pháp hoại, tận pháp tận, lão pháp lão, bệnh pháp bệnh và tử pháp tử. Hoặc chung hoặc riêng, không do duyên này mà tinh tấn hay bỏ phế, cho đến thường siêng tu tập, không có ý biến dị, không có tâm tạp nhiễm, đó là Bồ-tát an tâm thọ khổ nhấn, cho nên ở đây lấy tinh tấn và chỗ khởi ba nghiệp kia làm tánh. Quyển kia lại ghi: “Thế nào là pháp tư thắng giải nhấn của Bồ-tát? Là các hàng Bồ-tát có thể đối với tất cả pháp có thể Chánh tư duy. Do thắng giác tuệ khéo quán sát, có thể đối với tám sự có thể phát sinh chỗ thắng giải, vì khéo an thắng giải cho nên quán sát kỹ pháp nhấn”. Vì lấy tuệ quán sát làm tánh, cho nên luận đó không nói ở đây có ba nghiệp. Hoặc định và đạo đồng thời với sắc thì có thể gọi là ba nghiệp, chính là cùng với luận này đồng. Như quyển 42 lấy chín môn phân riêng.

Luận: “Tinh tấn lấy cần”, đến “ba nghiệp làm tánh”.

Thuật rằng: Luận Đối Pháp chỉ lấy ba nghiệp làm tánh, từ tướng chung của các độ nêu ra thể. Quyển 42 nói thông suốt, như trước nói đều thông ba nghiệp, tinh tấn làm thể, cũng như luận kia lấy chín môn để giải thích.

Luận: “Tĩnh lự chỉ lấy đẳng trì làm tánh”.

Thuật rằng: Đẳng trì là Tam-ma-địa, tức là định tâm sở, không thông với tán động, không nói về ba nghiệp. Luận Đối Pháp ghi: “Khi khởi ứng dụng tự tại ba nghiệp thì tất cả chủng tâm đã có hằng an trụ”. Quyển 43 ghi: “Tức là tự tánh Tĩnh lự của Diệu thiện thế gian và Xuất thế gian”. Ba tướng của luận kia tuy khác nhau, nhưng đều lấy Tĩnh lự làm thể. Nhưng hai thứ hành tướng khác nhau như quyển trước. Nói rộng chín môn cũng như luận kia.

Luận: “Năm độ sau đều lấy”, đến “Hậu đắc trí”.

Thuật rằng: Luận Đối Pháp và quyển 43 đồng lấy hậu đắc gia

hạnh chánh trí của thế gian và Xuất thế gian làm tánh, vẫn dưới đây cũng nói, mười Độ đều thông với Hữu lậu và Vô lậu. Đây là y theo thật nghĩa, luận Nhiếp Đại thừa quyển 7 giải thích trong Thập Địa đồng với đây, chỉ nương vào thắng pháp mà nêu ra năm thể sau, không phải là tận lý. Luận đó ghi: “Năm độ sau nên biết, Bát-nhã trí vô phân biệt và Hậu đắc trí nhiếp”. Thế Thân và luận Vô Tánh giải thích rằng: “Nếu nói mười độ tức là trí vô phân biệt, là Bát-nhã Ba-la-mật-đa nhiếp. Phương tiện... bốn độ sau thì Hậu đắc trí nhiếp. Hoặc nói sáu độ và nhị trí đều là Độ thứ sáu nhiếp”, cho nên phân ra năm độ sau và hai trí làm tánh.

Luận: “Có nghĩa Thức thứ tám”, đến “làm tự tánh”.

Thuật rằng: Các nghĩa khác không có tranh cãi, chỉ hiển ra rằng không lấy tuệ làm tự tánh, tức là lấy ba thứ dục, thắng giải và tín làm tánh, vì nguyện thì lấy ba pháp làm tự tánh. Nói là Hậu đắc trí, là chỉ có trong Hậu đắc trí mà khởi, cho nên năm độ trong phần thứ nhất thì không như vậy. Luận Nhiếp Đại thừa ghi: “Hoặc là dục và thắng giải làm thể của nguyện, hoặc tín và thắng giải làm thể của nguyện”. Hiện tại luận này hợp chung ba thứ đó lại nói, cho nên nói rằng lấy ba pháp làm thể.

Luận: “Đây là nói tự tánh”, đến “công đức làm tánh”.

Thuật rằng: Như chỗ nói trước, ngay nơi tánh là thể, hoặc gồm cả quyển thuộc và tất cả công đức làm tánh. Vì quyển thuộc là nêu ra thể, tổng lấy năm uẩn làm thể của mười độ, tức là phần thứ hai nêu ra thể tánh.

Luận: “Mười tướng này”, đến “Ba-la-mật-đa”.

Thuật rằng: Đây là phần thứ ba thuyết minh về tướng. Thế nào là tướng? Tức là trở thành tướng mạo của Ba-la-mật-đa, vì phải có đủ bảy nghĩa này mới gọi là độ, thiếu một thì liền không phải.

Luận: “Một An trụ tối thắng”, đến “tất cả sự nghiệp”.

Thuật rằng: Tất cả sự nghiệp, là tùy thuận những chỗ có sự nghiệp của độ (Ba-la-mật-đa), đều nên thực hành cho độ được thành mãn. Nhiếp luận có sáu thứ, trừ chủng tánh thứ nhất ra, tức là nhiếp trong Bồ-đề tâm. Nhưng luận Vô Tánh dẫn tụng cũng tương tự như làm chứng có chủng tánh thứ nhất, nói: “Sừng con lân là dụ cho không có sáu Ba-la-mật-đa, chỉ có ngã là tối thắng tôn, thượng phẩm đáo bỉ ngạn”. Nhưng luận Đối Pháp quyển 11 ghi: “Trong tướng của sáu độ có năm tướng, an trụ Bồ-tát chủng tánh thì Bồ-tát tâm làm chỗ y chỉ, vì bị dẫn đường cho tâm, xả trong tất cả thời, chỗ có hai nghiệp tức là năm nghĩa, gọi là sáu độ tướng”.

Luận Hiển Dương quyển 3 cũng có sáu nghĩa làm thành độ, nhưng khác với Nhiếp luận, không phiên dẫn ra, chỉ trong luận này cũng đủ bao quát các luận.

Luận: “Năm xảo tiện tối thắng”, đến “hai chương xen tạp”.

Thuật rằng: Chỗ nhiếp thọ của vô tướng trí là thứ sáu bất chấp ba luân thanh tịnh. Trong hồi hương tối thắng và Biệt thứ hai, kia có đạo tâm, không cần tất cả hồi hương Bồ-đề. Hồi hương này, trong thanh tịnh thắng vì lia hai chương thực hành đối với các độ, không bị kia xen tạp, là ba thời không có hối hận.

Luận: “Hoặc không phải bảy thứ này”, đến “không phải đạo bỉ ngạn”.

Thuật rằng: Đây là tổng kết. Từ bảy chỗ nhiếp gọi là độ, nếu không như thế thì liền không phải.

Luận: “Do đây mà thí...”, đến “bốn câu phân biệt”.

Thuật rằng: Vì có thí phi, mỗi mỗi đều đáng lẽ là bốn câu phân riêng. Đây là mỗi mỗi tự mong, tức là chủng loại phước làm bốn câu. Là thí không phải độ, vì không cầu Bồ-đề; là độ không phải thí, vì tùy hỷ thí, cũng là độ cũng là thí có thể biết. Nếu không phỏng theo chủng loại phước, thứ tự tu tập thì thí làm ba câu, vì không có Ba-la-mật đó thì không phải thí, năm độ còn lại được làm bốn câu, vì trước có thí độ được làm một câu. Nếu không phải thứ tự thì đều được làm bốn câu, trong đây có ba độ như thế được làm bốn câu.

Luận: “Đây là chỉ có mười”, đến “không có tăng giảm”.

Thuật rằng: Phần thứ tư là bất tăng giảm môn. Thứ nhất giải thích chung, phỏng theo Địa đoạn chương chứng Chân như, giải thích những gì có thể giải thích. Chương tức là mười vô minh chương Thập Địa. Luận Đối Pháp quyển 12 ghi: “Sở tri chương đều là chỗ đối trị của độ, mỗi chương đều nương vào chương của xan lạn, phạm giới, tăng khuể, giải đãi, tán loạn và ác tuệ”. Ngay trong ác tuệ lại phân ra bốn thứ sau, cho nên gọi chung là chương, lia ác tuệ là năm thứ gọi là mười chương thì không phải. Văn sau sẽ tự nêu ra sáu chương.

Luận: “Lại nữa, sáu độ trước”, đến “tương vi chương”.

Thuật rằng: Dưới đây theo thứ tự thuyết minh sáu nguyên nhân có sáu nghĩa. Trước hết thuyết minh đối trị sáu chương, chỗ đối trị của luận Đối Pháp và Nhiếp luận đều nói là sáu tệ, tức là sáu thứ tương vi chương. Lại nữa, như Nhiếp Đại thừa nói bất phát thú nhân, những chỗ nói trên, nói có mười nguyên nhân:

1. Thập Địa tu hành.

2. Đối trị mười chướng.

3. Chứng mười Chân như, đây là phỏng theo Thập Địa mà luận, dưới đây nương theo sáu mà nói mười là xan lận, phạm giới, sân khuể, giải đãi, tán loạn và ác tuệ.

4. Đối trị tương vi chướng.

Luận: “Dần dần tu hành các Phật pháp”.

Thuật rằng: Đây là nguyên nhân thứ năm. Nhiếp Đại thừa nói bốn nhân trước không phải là nhân tán động, khiến cho chỗ đối trị không có tán động. Nhân thứ năm bất tán động đã thành thực, vì khiến cho bất tán động được viên mãn, nhân thứ sáu nương vào nhân thứ năm này mà đắc như thật giác, có thể đối với sở duyên mà chánh biến tri cho nên nói Phật pháp, Phật pháp đó là mười lực, tu là thành tựu biện tài.

Luận: “Dần dần thành thực các hữu tình”.

Thuật rằng: Đây là nhân thứ sáu. Nhiếp Đại thừa ghi: “Do thí có thể nhiếp thọ, do giới có thể không hại, không sinh phiền não, do nhẫn tuy gặp khổ nhưng có thể thọ, do cần trợ giúp cho các việc làm đó, do định tâm chưa định thì khiến cho định, do tuệ đã định thì khiến cho giải thoát”.

Luận: “Luận này nói rộng như các luận khác nên biết”.

Thuật rằng: Ba nhân sau này nói rộng như Nhiếp luận khác nên biết.

Luận: “Lại nữa, thí... ba pháp”, đến “chỉ có hai nhân này”. Thuật rằng: Đây là nhân thứ bảy, là ba pháp trước của thí. Luận Đối Pháp quyển 11 ghi: “Là tăng thượng sinh đạo của các hàng Bồ-tát, ba nhân sau là quyết định thắng đạo. Thí trong tăng thượng sinh đạo có thể chiêu cảm đại tài, giới có thể chiêu cảm đại thể, nhẫn chiêu cảm quyền thuộc, trì giới thì được sinh trong nẻo thiện được thân tôn quý. Người có thể tu hành nhẫn thì tất cả hữu tình đều quy y nương tựa. Trong quyết định thắng đạo thì tinh tấn có thể hàng phục phiền não, tu thiện phương tiện thì Tĩnh lực là phương tiện có thể thuần thực hữu tình, y theo đây mà khai thông thành thực hữu tình, tuệ là phương tiện thành thực Phật pháp, do có tuệ cho nên Phật pháp được thành thực, đạo của các hàng Bồ-tát chỉ có hai thứ này, nếu thiếu một thứ thì đạo không thành.”

Luận: “Lại nữa, ba thứ trước”, đến “vì chư phiền não”.

Thuật rằng: Đây là nhân thứ tám. Quyển 78 và Giải Thâm Mật ghi: Có hai nhân duyên cho nên sáu độ không có tăng giảm:

1. Nhiều ích hữu tình, là ba nhân trước. Do Thí, cho nên nhiếp thọ

tư tài mà nhiều ích đối với hữu tình kia. Do giới mà không làm việc tổn giảm não hại, nhiều ích hữu tình. Do Nhẫn mà kham nhẫn thọ khi hữu tình kia bị tổn hại, ba thứ này đều có chung nhiều ích.

2. Đối Trị phiền não, là ba nhân sau. Do tinh tấn, tuy chưa vĩnh viễn hàng phục phiền não, chưa vĩnh viễn hại tùy miên, nhưng có thể dũng mãnh tạo tác các thiện phẩm, các phiền não kia không thể khuynh động thiện phẩm gia hạnh”, tức là luận này nói tuy chưa phục diệt cho đến các thiện gia hạnh, do Tĩnh lực mà vĩnh viễn hàng phục phiền não, do Bát-nhã mà vĩnh viễn hại tùy miên, tức là nghĩa vĩnh viễn phục diệt trong đây, trong đây hoặc gia hạnh, hoặc Chánh diệt đều là đối trị các phiền não.

Luận Đối Pháp quyển 11 cũng có giải thích điều này.

Luận: “Lại nữa, do thí...”, đến “bất tăng bất giảm”.

Thuật rằng: Đây là nhân thứ chín. Luận Đối Pháp ghi: “Do các hàng Bồ-tát nghịch trụ Niết-bàn, ở trong sinh tử mà không nhiễm ô”. Do đó ba độ trước là đắc tăng thượng sinh phương tiện, cho nên luận này gọi đó là bất trụ Niết-bàn, ba độ sau là bất nhiễm ô phương tiện, cho nên luận này nói là bất trụ sinh tử, không nhiễm phương tiện, luận tự giải thích rằng: Do cần cho nên tu đối trị, do định cho nên hàng phục phiền não, do tuệ cho nên vĩnh viễn hại tùy miên. Do không trụ Niết-bàn và sinh tử, cho nên sáu độ này làm tư lương của Vô trụ xứ Niết-bàn. Niết-bàn này là Chân như, sáu độ này làm tư lương của Chân như đó. Ba độ trước là bi cho nên không trụ Niết-bàn, ba nhân sau là tuệ cho nên không trụ sinh tử, quyển 49 ghi: Vì trong ba học nhiếp cho nên không tăng không giảm sáu nhân. Bốn độ trước là giới học, hai độ sau là nhị học, như sau sẽ biết. Tổng nghĩa là do luận như vậy có chín thứ, biệt nghĩa thì một thứ, hợp chung thành mười nghĩa. Sáu độ trước đã như thế, bốn độ sau thì thế nào?

Luận: “Sau chỉ có bốn độ”, đến “không tăng không giảm”.

Thuật rằng: Đây là đoạn văn tổng quát. Thế nào là trợ sáu độ?

Luận: “Phương tiện thiện xảo trợ ba pháp của thí”.

Thuật rằng: Quyển 78 và Giải Thâm Mật ghi: “Đối với hữu tình mà ba thứ Ba-la-mật-đa trước nhiếp thì dùng phương tiện thiện xảo của các Nhiếp sự mà nhiếp nó, đặt yên trong thiện phẩm, do đó Ta nói phương tiện thiện xảo là sự trợ giúp của thí, là bố thí nhiếp trong sự”, tức là hành tướng của thí này, tương thuận nhiếp lẫn nhau làm lợi ích cho phương tiện kia, cho nên gọi là trợ.

Luận: “Nguyện trợ tinh tấn”.

Thuật rằng: Văn của luận kia lại ghi: “Hoặc các hàng Bồ-tát có nhiều phiền não trong hiện pháp, đối với tu Vô gián không có khả năng kham nhận, do ý lạc yếu kém, cõi dưới thì thắng giải, đối với trụ trong nội tâm thì không có khả năng kham nhận, cho đến vị lai phiền não mỏng nhẹ, tâm sinh Chánh nguyện, như vậy gọi là nguyện. Do nguyện này, phiền não mỏng nhẹ có thể tu tinh tấn, cho nên nói nguyện trợ tinh tấn.

Luận: “Lực trợ Tinh lự”.

Thuật rằng: Kinh kia lại ghi: “Hoặc các hàng Bồ-tát thân cận thiện sĩ, nghe học Chánh pháp, như lý khởi Ý làm nhân duyên, chuyển ý lạc yếu kém thành thắng ý lạc, cũng được thắng giải của cõi trên, gọi là Lực Ba-la-mật-đa, do Lực này đối với trụ trong nội tâm có chỗ khả năng kham nhận, cho nên nói lự độ làm trợ giúp cho định độ.

Luận: “Trí trợ Bát-nhã”, đến “nói rộng nên biết”.

Thuật rằng: Kinh kia lại ghi: “Hoặc các hàng Bồ-tát, đã có thể nhờ nghe mà khéo tu tập, có thể phát Tinh lự, như vậy gọi là trí. Do trí này mà khả năng kham nhận dẫn phát tuệ thế gian và Xuất thế gian, cho nên nói trí làm trợ giúp cho tuệ”. Khiến cho người tu hành đầy đủ là bốn độ sau trợ cho sáu độ trước khiến cho tu hành đầy đủ, sáu độ trước không làm chỗ trợ của bốn độ sau thì không gọi là đầy đủ. Lý như trên đã nói, cho nên trong đây thì chỉ như Giải Thâm Mật và luận Trung Biên quyển 1 nói mười độ và mười chương. Tụng ghi: “Chương phú quý nẻo thiện, không xả chư hữu tình, đối với lỗi và đức giảm hay tăng, khiến cho tiến vào giải thoát. Chương các thiện của thí, vô tận cũng vô gián, chỗ làm thiện quyết định, pháp thọ dụng thành tựu”, cho nên mười độ bất tăng bất giảm, thứ đệ môn thứ năm.

Luận: “Mười thứ đệ”, đến “trì giữ thanh tịnh các độ trước”.

Thuật rằng: Giải thích thứ nhất, nói rằng do các độ trước dẫn phát các độ sau. Quyển 78, Giải Thâm Mật và Nhiếp luận ghi: “Do bố thí dẫn sinh giới và nhẫn”, rộng như các luận đó nói, vì dễ hiểu cho nên không nói ra đây. Giải thích thứ hai nói rằng, và do các độ sau trì giữ thanh tịnh các độ trước. Luận Đối Pháp ghi: “Giới có thể trì bố thí, cho đến tuệ có thể trì định. Do đầy đủ Thi-la mà thí được thanh tịnh, tại sao vậy? Vì do hạnh bố thí nhiếp mà lợi ích hữu tình, do trì giới cho nên không bị não hại”, đến như Già-tha ghi: “Không có Tinh lự mà không nương vào tuệ”, rộng như luận kia nói.

Luận: “Lại nữa, các độ trước thô”, đến “thứ đệ như vậy”.

Thuật rằng: Giải thích thứ ba, luận Đối Pháp ghi: “Trong các hạnh

thì thí hạnh là rất thô, giới thì vi tế hơn thí, do đó kiến lập giới sau thí, cho đến trong tất cả hạnh thì tuệ là rất vi tế, cho nên kiến lập tuệ ở sau cùng”. Trong ba giải thích này, giải thích thứ nhất đồng với Giải Thâm Mật, Du-già và Hiển Dương, hai giải thích còn lại chỉ có trong luận này, luận Đối Pháp thì đồng với luận này, quyển 49 thì có ba giải thích, hai giải thích đầu thì đồng với luận này, là đối trị sự sinh khởi của các chướng, vì sinh khởi tức là thô và tế, giải thích thứ ba thì khác với luận này. Dị thực thứ ba như quyển luận 49 kia giải thích rộng. Từ đây xuống có sáu giải thích về danh.

Luận: “Giải thích tên chung tên riêng như kinh luận khác nói”.

Thuật rằng: Quyển 78 và Giải Thâm Mật giải thích tên chung ghi: “Duyên gì mà các luận này gọi là Ba-la-mật-đa? Vì do năm duyên:

1. Vô nhiễm trước, là không nhiễm ô các sự trái với Ba-la-mật.
2. Vô cố luyến, là các quả Dị thực của sáu độ này, và tâm trong báo ân không trối buộc.
3. Vô tội là đối với sáu độ không có pháp xen tạp, lia phi phương tiện hạnh.
4. Vô phân biệt, không giống như chấp trước tự tướng của ngôn từ.
5. Chánh hồi hướng, là lấy độ chỗ tu hành xoay lại cầu Đại Bồ-đề”.

Nhiếp Đại thừa ghi: “Đối với thế gian và thí tối thắng của Nhị thừa có thể đắc bĩ ngạn”, là nói chung Ba-la-mật-đa. Luận Đối Pháp quyển 11 ghi: Do mười hai tối thắng tương ứng gọi là Ba-la-mật-đa:

1. Quảng đại, vì không cầu thế lạc, lại cũng là tối thượng.
2. Trường thời, vì ba kiếp tích tập.
3. Sở vi, vì làm lợi sinh.
4. Vô tận, hồi hướng cứu cánh vô tận của Đại Bồ-đề.
5. Vô giá, vì tự tha bình đẳng, khiến cho tha mau chóng viên mãn thí..
6. Vô nan, vì tùy hỷ bố thí của tha, khiến cho tự hành mau chóng viên mãn.
7. Đại tự tại, do đắc định của hư không tạng, khiến cho thí mau chóng viên mãn.
8. Nhiếp thọ, chỗ nhiếp thọ của trí vô phân biệt.
9. Phát khởi, là chỗ hành thí của thượng phẩm nhân và trung phẩm nhân trong giải hạnh Địa.
10. Chứng đắc, là chỗ hành thí của Sơ địa.

11. Đẳng lưu, là chỗ hành thí của tám Địa còn lại.

12. Viên mãn, là sở hữu thí của Thập Địa và Như Lai, tức là Bồ-tát thì mãn, Như Lai thì viên.

Nếu thiếu một thứ thì không phải Ba-la-mật-đa. Chỗ đến của tối thắng, chỗ làm của tối thắng, cho nên gọi là Ba-la-mật-đa. Ba-la nghĩa là sở chí, hoặc nghĩa là sở tác. Mật-đa nghĩa là năng chí hoặc năng tác. Luận kia lại ghi: “Đáo Sở tri bỉ ngạn gọi là Ba-la-mật-đa, vì an trụ trong Phật tánh”. Lại nữa, Ba-la nghĩa là Sở tri bỉ ngạn, Mật-đa nghĩa là đáo. Lại nữa, giải thích sự tế độ tai nạn của tự tha, do đó gọi là Ba-la-mật-đa. Đây là hợp chung sáu giải thích tên chung. Giải thích tên riêng, luận Nhiếp Đại thừa ghi: “Có thể chế phục xan lận và bần cùng, đắc tài vị quảng đại và phước đức tư lương thì gọi là thí, cho đến có thể trừ bỏ tất cả kiến thú, các tà ác tuệ và năng chân thật phẩm biệt tri pháp gọi là tuệ”. Luận Đối Pháp quyển 11 ghi: “Do đại thí, vì lừa dối, vì lừa cấu, cho nên gọi là thí Ba-la-mật, cho đến tuệ cũng do ba nhân, gọi là tuệ Ba-la-mật”, như luận đó nói rộng. Luận đó lại giải thích: “Người có thể xả bỏ bố thí thì tương lai bần khổ, người có thể xả bỏ thọ thì hiện tại nhiệt não, cho nên gọi là thí, cho đến sở phát trí, nội chứng trí, chủng biệt trí, đắc tịch tịnh trí, thắng đức trí khác đều gọi là tuệ. Hợp chung ba thứ để giải thích tên riêng, cho nên hiện tại tổng thì chỉ giải thích tên chung và tên riêng như các kinh luận khác nói, các kinh luận khác tức là Nhiếp Đại thừa...”

Luận: “Thập tu này”, đến “nói rộng tướng của nó”.

Thuật rằng: Thứ bảy là tu môn, luận này có năm tu, ở đây giống như luận Đối Pháp quyển 12 nói.

1. Y chỉ nhậm trì tu, lại có bốn thứ:

a. Y nhân Tu, do chủng tánh lực đối với các độ mà tu chánh hạnh.

b. Y quả tu, là y theo tự thể lực thù thắng, đối với độ mà tu chánh hạnh.

c. Y nguyện tu, từ nguyện lực gốc đối với độ mà tu chánh hạnh.

d. Y giản trạch tu, là từ tuệ lực đối với các độ mà tu chánh hạnh.

2. Y chỉ tác ý tu, luận đó lại nói có bốn thứ:

a. Y thắng giải tu, đối với tất cả độ tương ứng giáo pháp mà khởi tăng thượng thắng giải.

b. Y ái vị tu, đối với các độ đã đắc, phần nhiều là thấy các công đức mà khởi thâm sâu ưa thích mùi vị.

c. Y tùy hỷ tu, là đối với các độ chư hữu tình của các thế giới tu hành mà khởi thâm sâu tùy hỷ.

d. Y hỷ lạc tu, đối với tự tha tương lai thắng phẩm trong các độ sinh thâm sâu ước nguyện ưa thích.

3. Y chỉ ý lạc tu, tức là sáu thứ ý lạc:

- a. Vô yếm ý lạc.
- b. Quảng đại.
- c. Hoan hỷ.
- d. Ân đức.
- e. Vô nhiễm.
- f. Thiện hảo ý lạc.

Rộng như luận kia giải thích. Nhưng cùng với danh tự lục ý lạc của Nhiếp luận không đồng, và nhiếp ba tác ý: một là ái trọng, hai là tùy hỷ, ba là hân lạc; đều giống như Nhiếp luận quyển 7 và luận Đối Pháp quyển 12 Sao mà hiểu.

4. Y chỉ phương tiện tu, luận Đối Pháp nói cũng có ba thứ, do trí vô phân biệt, quán sát ba luận đều thanh tịnh, do phương tiện này mà tất cả chỗ tu hành của tác ý đều mau chóng thành tựu viên mãn.

5. Y chỉ tự tại tu, cũng có ba thứ, luận Đối Pháp cũng nói có ba thứ:

- a. Thân tự tại, tức là tự tánh thân và thọ dụng thân.
- b. hạnh tự tại, tức là biến hóa thân.
- c. Thuyết tự tại, có thể nói về sáu độ không bị trệ ngại, là duyên cầu y chỉ trên các tự tại này cho nên tu.

Luận Vô Tánh ghi: “Tức là vì kia mà tu, cũng gọi là tu”. Nhưng Nhiếp luận nói năm tu, tên gọi thì cũng bất đồng, nghĩa ý thì không khác, luận này thì đồng với luận Đối Pháp, văn của Nhiếp luận thì sơ lược, luận của Thế Thân thì khó hiểu, luận Vô Tánh thì dễ hiểu. Trong luận này thì chỉ đồng với luận Đối Pháp và Nhiếp luận cho nên nói là như Tập luận, thứ tám là nhiếp môn.

Luận: “Mười nhiếp này”, đến “thuận lẫn nhau”.

Thuật rằng: Nói mười độ, mỗi mỗi độ đều nhiếp tất cả độ, vì mười hành tướng trợ giúp thành tương thuận lẫn nhau, trong đó luận Đối Pháp nói hoặc là Chân như nhiếp, hoặc là tuệ nhiếp. Nhưng luận này thì chỉ lấy mười độ nhiếp nhau, không đồng với luận kia. Như trước tài thí thì chỉ có thí độ, vô úy thí thì thông với năm Độ, pháp thí thì thông với sáu độ, do đó các luận nói hoặc là chỉ có thí thanh thuyết (tiếng nói Thí), cho đến chỉ có trí thanh thuyết (tiếng nói trí), đó tức là tạp hành mười độ, cho nên một độ nhiếp các độ còn lại. Luận Vô Tánh ghi: “Trong bố thí tánh hiện có sáu Ba-la-mật-đa”. Kim cương Bát-nhã Luận: “Đàn độ

niếp sáu độ, tư sinh (tài vật), vô úy và pháp, trong đây thứ tự một, hai, ba là tên tu hành trụ”. Đại Bát-nhã quyển 351 ghi: “Phật dậy phải do Bát-nhã dẫn thí, do đó năm Ba-la-mật-đa trước nhiếp trong Bát-nhã Ba-la-mật-đa”. Lại nữa, luận Đối Pháp quyển 12 trong cánh hồ Quyết trạch môn có ba thứ, một là trong phần phương tiện sẽ nêu ra tướng của nó.

Luận: “Y tu mà hành độ trước”, đến “không chờ độ sau”.

Thuật rằng: Độ trước dẫn độ sau khởi, là độ trước nhiếp độ sau, độ sau chờ độ trước mới thành tựu. Độ sau không nhiếp độ trước, là độ trước không chờ độ sau mới thành tựu. Luận Đối Pháp quyển 12 ghi: “Đây là nương vào chỗ có giới độ của thủy nghiệp Địa đều là thí độ, có thí thì không phải giới, giới độ là chỗ không nhiếp của thí độ, tức là lấy rộng để hỏi hẹp, do đó thuận theo câu sau mà đáp, nhưng trong trình bày ứng nhân của luận Đối Pháp quyển 16 thì một câu, hai câu, ba câu, bốn câu đều thuận với câu trước và sau.

Luận: “Y Tu mà hành độ sau”, đến “không phải trì giữ thanh tịnh”.

Thuật rằng: Độ sau trì giữ thanh tịnh cho độ trước, là độ sau nhiếp độ trước, có thí độ đều là giới độ, có giới không phải thí, là chỗ không nhiếp giới của thí độ, vì thí độ sau trì giữ thanh tịnh cho thí độ trước, cho nên độ trước không nhiếp độ sau, không phải trì tịnh cho độ sau, tức là lấy hẹp để hỏi rộng, thuận theo câu trước mà đáp, vì thí độ hẹp.

Luận: “Hoặc nương vào thuận và tạp”, đến “đáng lẽ làm bốn câu”.

Thuật rằng: Nói rằng có thuần tu, lại như thí thuần tu. Nói rằng có thí phi độ, đó là không hồi hướng thí; có độ phi thí, đó tức là tùy hỷ người khác bố thí; có câu và bất câu nên biết. Nhưng luận này y theo chủng loại phước - như trước đã nói - nhưng không phỏng theo chủng loại phước, không nói tùy hỷ, cho nên chỉ có ba câu : Có thí phi độ, có cũng thí cũng độ và có phi thí phi độ. Trừ câu thứ hai ra, năm độ còn lại đều làm bốn câu vì trước có độ, thí thì trước chưa có độ cho nên làm ba câu. Hoặc tạp tu thì có thành tựu bốn câu, các độ ngăn cách nhau có câu thứ hai, điều này cũng như luận Đối Pháp, nhưng luận kia có chút ít khác nhau, không phiền dẫn ra. Nhiếp Đại thừa ghi: “Tạp tu này có thể nhiếp tất cả pháp thiện, là tướng của nó, là tùy thuận, là Đăng lưu, không lấy sáu độ nhiếp nhau, mà nhiếp các công đức, rộng như luận kia nói. Nói rằng thí nhiếp thí là tướng, nhiếp tín... là tùy thuận, nhiếp vô tránh là Đăng lưu.

Luận: “Đây là thật có mười”, đến “duyên Thế tục”.

Thuật rằng: Thứ chín là hỏi đáp hợp lục khai mười môn. Nghĩa này có thể biết, như trước đã dẫn luận Nhiếp Đại thừa nói...

Luận: “Thập quả này là”, đến “trừ quả Dị thực”.

Thuật rằng: Thứ mười là năm quả môn. Phỏng theo thật mà nói, Hữu lậu có bốn thứ, Vô lậu cũng vậy, chỗ dứt trừ thì có khác nhau, nghĩa này nên tư duy. Đây là bốn quả, văn dễ có thể biết, cho nên không phiền dẫn ra.

Luận: “Nhưng có chỗ nói”, đến “hoặc cả hai hợp lại nói”.

Thuật rằng: Đây là tổng hợp các điều trái nhau. Luận Đối Pháp quyển 12 ghi: “Vĩnh viễn đoạn tự trị là lìa trói buộc, nhiếp thọ tự tha là Sĩ dụng, đối với tương lai tăng trưởng sinh khởi là Đăng lưu, Đại Bồ-đề là tăng thượng, chiêu cảm đại tài là quả Dị thực”, tức là đủ năm quả, hoặc Vô lậu trợ giúp Hữu lậu cũng đắc Dị thực, Hữu lậu trợ giúp Vô lậu cũng đắc Ly hệ, cho nên nói lẫn nhau tương trợ. Hoặc Hữu lậu và Vô lậu cả hai hợp lại nói, cho nên được năm quả, không phải thể của Hữu lậu và Vô lậu mỗi mỗi đều thân cận có thể đắc năm quả. Quyển 78 và Giải Thâm Mật ghi: “Quả có sáu thứ, đại tài, nẻo thiện và vô oán hoại làm chủ của chúng sinh”. Vô não hại và đại chi diệp đều nói trong quả Dị thực, không phải không đắc các quả khác. Nhiếp luận ghi: “Phú quý, đại sinh và đại bằng thuộc - ba thứ này là quả Dị thực. Quảng đại nghiệp, trần cấu bạc và tri năm minh xứ”, ba thứ này là chỉ phỏng theo trong quả tăng thượng mà nói, cũng không trái nhau. Trong giải thích sáu độ của Bồ-tát địa, mỗi mỗi độ sau đều nói quả này đắc đại Bồ-đề, đây là chỉ đối với quả tăng thượng mà nói. Hoặc nhân duyên và Tăng thượng duyên đều là quả tăng thượng như quyển 43 ngọn nói. Chín môn trước phân riêng mỗi mỗi độ đắc quả khác nhau như vậy, không phiền dẫn ra, đọc giả nên hiểu.

Luận: “Mười quả cùng với ba học”, đến “tất cả hữu tình”.

Thuật rằng: Đây là thứ mười một ba học nhiếp nhau môn. Trong đó thứ nhất nêu ra tên và thể của học, thứ hai nêu ra năm vị phân biệt, thứ ba nêu ra chánh lấy học để nhiếp các độ. Giới học có ba thứ:

1. Lấy bảy chúng giới làm thể.
2. Lấy Hữu vi Vô vi và Vô lậu pháp thiện làm thể, Hữu lậu pháp thiện không phải chánh nên tu, vì thể có thể bị đoạn.
3. Chánh lợi lạc ba nghiệp làm tánh.

Như trên nên biết.

Luận: “Ba học này cùng với Nhị thừa”, đến “như chỗ khác nói”.

Thuật rằng: Nhưng ba học này cùng với Nhị thừa có cộng và bất

cộng. Nhiếp luận, luận Vô Tánh quyển 7 và Thế Thân quyển 8, mỗi đều có bốn thứ thù thắng:

1. Sai biệt thắng, tức là ba tụ giới.
2. Cộng bất cộng thắng, tức là tất cả tánh tội của Bồ-tát không hiện hành cùng với Nhị thừa có chung, tương tự ngăn tội có hiện hành là cùng với Nhị thừa không có chung.
3. Quảng đại thắng, thù thắng này có bốn thứ:
 - a). Chứng chủng vô lượng học xứ đại.
 - b). Vô lượng phước đức đại.
 - c). Lợi sinh ý lạc đại.
 - d). Kiến lập Bồ-đề đại. Như luận kia rộng giải thích.
4. Thâm thâm thắng, là Bồ-tát hành mười nghiệp sát sinh... mà không có tội, sinh vô lượng phước đức, mau chóng chứng Bồ-đề.

Luận kia tuy có bốn thứ thù thắng, nhưng thù thắng thứ nhất tức là thể của ba tụ giới này, hiện tại luận này lấy cộng và bất cộng của thù thắng thứ hai, Thâm thâm thắng thứ tư và quảng đại thắng thứ ba hợp chung làm ba thứ. Như chỗ khác nói, tức là văn của luận kia.

Luận: “Định học có bốn”, đến “sở hành của nó”.

Thuật rằng: Trong văn có thể hiểu. Nhưng luận này thì định chỉ ở tại Tĩnh lực thứ tư, các định thù thắng phần nhiều ở trong Tĩnh lực đó. Do Địa thắng cho nên chỉ là Vô lậu, đã nói Thanh văn không đắc, thuyết minh Địa tiền đã đắc bốn thứ định này cùng với Hữu lậu. Giải thích bốn định này, Nhiếp luận chỉ có tên, chỉ có luận này và luận Phật Địa có giải thích. Phát trí quang minh thông với văn, tư, tu, như Địa thứ ba trừ sở đắc của chương.

Luận: “Sở duyên của bốn định này”, đến “như chỗ khác nói”.

Thuật rằng: Nhiếp luận quyển 8 nói có sáu sai biệt:

1. Sở duyên biệt, lấy Đại thừa pháp làm sở duyên.
2. Chứng chủng biệt, tức là tứ định biệt, lại còn cử ra định thượng thủ.
3. Đối trị biệt, là tổng tướng duyên trí, tức là duyên Chân như trí, mau chóng trừ chướng thô trọng trong A-lại-da.
4. Khả năng kham nhận biệt, là trụ Tĩnh lực lạc, tùy theo dục mà thọ sinh.
5. Dẫn phát biệt, có thể dẫn phát thần thông vô ngại của tất cả cõi.
6. Tác nghiệp biệt, là có thể làm chấn động, tức là mười tám biến.

Lại nữa, có thể dẫn phát mười nan hành, tức là thế nan hành. Luận kia tuy có sáu thứ, nhưng sai biệt thứ hai tức là thể của bốn định, cho nên trừ sai biệt thứ hai ra thì chỉ có năm thứ sở duyên, như luận kia rộng giải thích. Mật ngữ về sáu độ và nghiệp đạo của mười ác đều như thế.

Luận: “Tuệ học có ba thứ”, đến “vô phân biệt tuệ”.

Thuật rằng: Ba tuệ có thể biết, như trong sáu độ, hợp chung năm độ làm một. Nói các hậu đắc có ba trí đều là Độ thứ sáu.

Luận: “Ba tự tánh của tuệ học này”, đến “như chỗ khác nói”.

Thuật rằng: Hoặc tự tánh, hoặc sở y, hoặc nhân duyên, hoặc sở duyên, hoặc hành tướng, hoặc nhậm trì, hoặc trợ bạn, hợp chung một trăm mười sáu môn để giải thích ba trí, trừ giải thích thứ nhất tự tánh ra, còn lại mười lăm môn để giải thích. Tự tánh, luận kia nói lìa năm thứ tướng thì cho là tánh của trí vô phân biệt:

1. Lìa vô tác ý, ngủ mê hoặc say rượu không phải là trí đó.
2. Địa lìa hữu tâm tứ, định thứ hai trở lên thì không phải.
3. Tịch tịnh lìa tưởng thọ diệt, tức là trí bất thành định vô tâm.
4. Như sắc tự tánh thì liền không phải là trí, như đại chủng.
5. Lìa đối với chân nghĩa dị kế độ, kế độ là Hữu phân biệt, không phải vô phân biệt.

Nói sở y, là sở y của trí, hoặc là tâm thì tâm là lượng. Nói trí không có phân biệt thì không xứng Chánh lý, hoặc sở y không phải tâm, năng y gọi là trí cũng không xứng Chánh lý, tức là sở y của trí không phải tâm mà là tâm, do sở y chỉ là chủng loại của tâm, là chỗ dẫn sinh của tâm cho nên là tâm, không phải tư lương cho nên không phải tâm, do đó tụng kia ghi: “Không phải tâm mà là tâm”. Nói về nhân duyên, tụng kia ghi: “Nhân duyên của các hàng Bồ-tát có nói văn (nghe) huân tập, tức là lấy văn huân tập làm nhân duyên”. Nói về sở duyên, tụng kia ghi: “Sở duyên của các hàng Bồ-tát không thể nói là pháp tánh, tức là Chân như, pháp Biến kế sở chấp đều không thể nói, không thể nói về tánh. Nói rằng hai Vô ngã là chỗ hiển Chân như, đó là sở duyên của trí vô phân biệt”. Nói về hành, luận kia nói về hành tướng, tụng đó ghi: “Hành tướng của các hàng Bồ-tát, ở trong sở duyên thì lại là trí vô phân biệt, tướng đó đối với Sở tri vô tướng tức là chỗ hiện vô tướng trong sở duyên của trí này”. Hai tướng năng duyên và sở duyên bình đẳng bình đẳng sinh không có dị tướng, như nhãn nắm lấy sắc mà thấy tướng xanh, không phải tướng xanh này cùng với sắc có khác nhau. Trong đây lại nêu ra năm môn, mười một môn còn lại thì như luận kia giải thích. Tổng là thứ nhất nêu ra thể danh môn.

Luận: “Như vậy ba tuệ”, đến “đều đã xả”.

Thuật rằng: Thứ hai là năm vị phân biệt môn. Gia hạnh chỉ có Hữu lậu, còn lại là hai thứ Vô lậu cho nên các vị riêng khác. Đây là y theo đốn ngộ và ba Thừa, mỗi mỗi đều từ vị thứ nhất và vị thứ hai mà nói, hoặc hội tâm đều thông với vị thứ nhất và vị thứ hai. Văn này dễ hiểu, không phiền giải thích rộng.

Luận: “Hoặc tự tánh nhiếp”, đến “đều là đủ nhiếp nhau”.

Thuật rằng: Thứ ba là chánh nhiếp nhau môn. Tự tánh nhiếp có thể biết, còn lại ba thứ hoặc bảy thứ không phải tự tánh. Lý của quyển thuộc thì thông cả ba thứ, ba thứ nhiếp đủ mười.

Luận: “Hoặc tùy dụng nhiếp”, đến “sách tấn khắp ba học”.

Thuật rằng: Giới nhiếp ba thứ trước, thí là tư lương của giới, giới là tự tánh của giới, hẳn là quyển thuộc của giới, do hẳn mà không phá giới. Còn lại hai thứ có thể biết. Ba học nhiếp tinh tấn, vì sách tấn khắp ba học. Quyển 78 và Giải Thâm Mật nói đồng với luận này.

Luận: “Hoặc tùy hiển nhiếp”, đến “tuệ nhiếp năm thứ sau”.

Thuật rằng: Giới nhiếp bốn thứ trước, ba thứ trước như thứ tự đã nói ở trước. Vì tinh tấn thủ hộ giới cho nên cũng là giới nhiếp, còn lại là văn dễ hiểu. Quyển 49 ghi: “Do bốn thứ trước, tư lương, tự tánh, quyển thuộc và thủ hộ tu giới học, do định cho nên viên mãn tu tâm học, do tuệ cho nên viên mãn tu tuệ học”. Đồng với luận này.

Luận: “Mười vị này là”, đến “đều chỉ có Vô lậu”.

Thuật rằng: Thứ mười hai là năm vị hiện chủng nhiếp nhau môn. Chỗ nói trong đây, tùy theo chỗ thích đáng của nó, chưa cần mười thứ mỗi mỗi đều như thế. Trong tu tập vị, tướng của nó hiển rất rõ ràng, thông với Hữu lậu và Vô lậu có thể vô biên hạnh, trong đây phỏng theo pháp nhĩ chủng tử mà nói, thông đạt vị nói là hữu, tuy không có nghĩa biệt hạnh nhưng nói là hữu. Văn còn lại có thể hiểu ý.

Luận: “Mười nhân vị này”, đến “cho nên chưa rốt ráo”.

Thuật rằng: Thứ mười ba là phân vị phân biệt môn. Ba kiếp được gọi là biệt, trong một hạnh tu một hạnh, trong một hạnh tu tất cả hạnh, trong tất cả hạnh tu tất cả hạnh biệt, như trước đã nói. Nhưng khi chưa nhập kiếp thì đồng với mới nhập, chỉ gọi là Ba-la-mật-đa, đã thành Phật thì rốt ráo cũng đồng, kiếp thứ ba gọi là Đại Ba-la-mật-đa. Quyển 78 và Giải Thâm Mật ghi: “Thắng giải hạnh Địa gọi là Ba-la-mật-đa”. Trong đây lại nói vô số kiếp thứ nhất, thuyết minh về noãn... các vị chỉ ở tại sơ kiếp. Lại nữa, quyển 47, 48, 49 nói thắng giải Địa, luận Đối Pháp và luận Hiển Dương thì từ kiên cố tâm đến cực hỷ Địa là giải hạnh Địa

niếp. Các luận đó lại nói giải hạnh Địa là sơ kiếp, do nhiều lý, bốn tâm chỉ có sơ kiếp. Luận Đối Pháp quyển 11 nói trong trì, nhậm, cảnh (gương), minh và y, nói rằng đã mãn, là mãn tâm học không phải Kiếp thứ hai, như nói ba kiếp mãn đã tu nghiệp tướng hảo, không phải ngoài kiếp mới tu tướng hảo, tướng hảo không phải ba kiếp nhiếp, số lượng thì như trên đã nói. Đoạn văn lớn thứ nhất từ trên đến đây đã có mười ba môn phân biệt các độ đã nói xong.

Luận: “Mười nghĩa loại này”, đến “sơ lược hiển thị cương yếu”.

Thuật rằng: đoạn văn lớn thứ hai chỉ cho văn không phiền tạp, nghĩa và loại thì vô biên. Giải Thâm Mật và quyển 78 ghi: “Độ thanh tịnh, độ tối đại, vô nhiễm, tối minh tịnh, bất khả động, tối thanh tịnh, độ vô tận, độ oai đức, độ nhân, quả, nghĩa lợi...”, độ nhiếp ba tánh đều như các kinh luận kia nói, không phiền dẫn ra.

Luận: “Mười độ đối với Thập Địa”, đến “từng Địa tu một độ”.

Thuật rằng: đoạn văn lớn thứ ba là Thập Địa tu độ môn. Kinh Thập Địa, Nhiếp luận, luận Hiển Dương và luận Du-già ghi: “Sơ địa thì thí làm tăng thượng, các độ còn lại thì tùy lực tùy phần, không phải không tu tập, cho đến Thập Địa thì trí làm tăng thượng, các độ còn lại không phải không tu tập, tùy lực tùy phần cho nên các Địa đều tu mười độ.

Hỏi: Địa thứ năm tu định độ, tại sao Địa thứ ba gọi là phát quang?

Đáp: Định trừ chướng Địa thứ ba, thành thực đến Địa thứ năm.

Luận: “Tuy thập Địa hạnh”, đến “thập đạo bỉ ngạn”.

Thuật rằng: đoạn văn lớn thứ tư lấy mười độ nhiếp tất cả hạnh, ngoài sáu độ ra thì càng không có Bồ-tát đạo, tức là do sáu độ nhiếp tất cả hạnh, không nói mười độ thì lại càng không nói các hạnh khác.

Luận: “Mười trọng chướng”, đến “dị sinh tánh”.

Thuật rằng: câu đáp ở trước về sự chứng đắc trong Chuyển y, có bốn câu đáp, thứ nhất là y Thập Địa, thứ hai là tu mười hạnh, đã phân rõ như trước. Từ đây xuống là thứ ba giải thích mười trọng chướng, trong đây lại có hai phần:

a. Thuyết minh trọng chướng.

b. Lấy hai chướng nhiếp để tổng thuyết minh đoạn vị.

Trong thuyết minh trọng chướng có hai phần:

1. Giải thích mười chướng.

2. Giải thích riêng.

Trong giải thích riêng có mười một chướng, nương theo văn lần

lượt giải thích hai mươi hai nghĩa của ngu, nương theo văn mà nhân tiện giải thích Phật Địa chương, văn thứ nhất có sáu đoạn, thứ nhất là nêu thể, một dị sinh tánh chương, Nhiếp luận của Thế Thân đồng tên với luận này, luận Thập Địa quyển 1 thì nói là ngã tướng chương của phàm phu, luận này gọi tên không phải như vậy, vì thể của chương này không phải chỉ có ngã, phàm phu thì tên khác nhau, như Biệt sao nói. Chương này thể tánh như thế nào? Nói rằng phân biệt hai chương, dựa trên chủng tử này mà lập dị sinh tánh, hiện tại là đoạn năng y cho nên nói là sở y đoạn, tức là cùng với hiện bản thức đồng Địa, chủng tử của hai chương có thể sinh hiện hành là lập lên chương thứ nhất. Do đây phàm phu lìa dục cũng vẫn gọi là dị sinh của cõi dục, vì chưa hàng phục chủng tử của kiến hoặc, căn cứ theo đây mà biết tánh này là nhiễm ô, cũng có thể nói chủng tử tại bản thức thì cùng với thức đồng tánh, tức là Vô phú tánh.

Hỏi: Nếu như thế thì tại sao luận Đối Pháp quyển 4 trong giải thích Vô ký chỉ có mạng căn là tự tánh, không có nói dị sinh tánh?

Đáp: Do phỏng theo chủng tử của phiền não có thể gọi là nhiễm ô, phỏng theo chủng tử của Dị thực có thể gọi là Vô phú, thông cả hai nghĩa cho nên gọi là tự tánh. Mạng căn thì không phải như vậy, không thể làm ví dụ. Bây giờ xét các văn, giải thích trước là khéo, luận Đối Pháp giải thích Vô ký và trong sáu mươi sáu pháp lập ra năm Vô ký, không nói dị sinh tánh là năm Vô ký, đã dựa vào chủng tử nhiễm mà lập, cũng chỉ có nhiễm khác với Tiểu thừa.

Hỏi: Hiện tại luận này lấy phân biệt của hai chương khởi chủng tử gọi là tánh này thì Nhị thừa thánh đáng lẽ gọi là dị sinh, vì chưa đoạn Sở tri chương phân biệt?

Đáp: Tùy theo mong kiến đạo chỗ đoạn chủng tử của tự thừa mà lập lên, nếu là định tánh thì gọi là đã đoạn tánh này, vì chương của tự thừa không có, chỉ y theo chủng tử của phiền não mà lập. Nếu là bất định thì gọi là chưa đoạn, vì dựa vào chủng tử của hai chương mà lập dị sinh. Nếu không như thế thì bất định tánh đáng lẽ không có chương dị sinh tánh. Nếu như thế thì Vô chủng tánh đã không có tự thừa Thánh đạo.

Hỏi: Nói cái nào là dị sinh tánh?

Đáp: Đáng lẽ nói chỉ dựa trên chủng tử phân biệt của hai chương mà lập dị sinh tánh, không cần nói riêng. Mong kiến đạo chỗ đoạn chủng tử của tự thừa mà lập lên, Sở tri chưa đoạn, tuy là bậc Thánh thì cũng gọi là dị sinh.

Hỏi: Điều này đến vị nào mới xả?

Đáp: Không đồng với Tiểu thừa chỉ tu sở đoạn Thế pháp đệ nhất và kiến đạo hợp chung lại xả. Hiện tại Đại thừa chỉ có kiến sở đoạn, khi kiến đạo và Vô gián đạo khởi thì xả, y theo chỗ đoạn chủng tử mà lập tánh này, cùng với chủng tử đồng thời xả.

Hỏi: Nếu Thánh của dị sinh tánh và bất định tánh chưa hoàn toàn đoạn hết thì vẫn được gọi là dị sinh, chưa hoàn toàn được Vô lậu thì đáng lẽ không gọi là bậc Thánh?

Đáp: Tánh của dị sinh thông cả hai chương, tánh của bất định đã là phần đoạn thì có thể gọi là phần đoạn dị sinh tánh, nhị chân kiến đạo gọi là Thánh, đã đắc một phần ít gọi là Thánh, vì chưa hoàn toàn đoạn tận cho nên hoa đốm trong hư không trọn gọi là Thánh. Nói bất định tánh gọi là dị sinh, không phải gọi hoàn toàn, vì đã phân đoạn từng phần. Nói Thánh cũng như thế đã phân chứng từng phần. Do tổng này xứng với bốn câu phân biệt:

1. Có dị sinh Phi thánh, như hoàn toàn chưa đắc ba Thừa Thánh đạo.
2. Có Thánh phi dị sinh, là Đại thừa đắc kiến đế.
3. Có dị sinh cũng Thánh, như Thánh bất định tánh chưa nhập Thập Địa.
4. Có phi dị sinh Phi thánh, như nhập cõi Vô dư y Niết-bàn.

Đây tức là trong văn phần thứ nhất nêu ra chương thể tánh, từ đây xuống phần thứ hai đối với ba Thừa mà thuyết minh đồng và dị.

Luận: “Nhị thừa kiến đạo”, đến “gọi là đắc Thánh tánh”.

Thuật rằng: Đây là phỏng theo dị sinh tánh, mỗi mỗi đều mong chướng của tự thừa mà làm luận, đoạn phần ít thì gọi là tiểu thánh. Hoàn toàn đoạn tận thì gọi là Đại thánh. Phần thứ ba thuyết minh câu và bất câu của chương đạo. Có Tát-bà-đa đặt câu vấn nạn, hoặc dị sinh tánh là tu sở đoạn, vì kiến đạo đã xả trước, quả Vô lậu dấy khởi, không có lỗi phạm và Thánh đồng thời thành thực, hiện tại đã ở trên chủng tử kiến sở đoạn mà lập dị sinh tánh, tức là Vô gián đạo có hoặc chủng đồng thời, chủng này chưa xả thì dị sinh chưa đoạn.

Hỏi: Thế nào là phạm và Thánh không có lỗi đồng thời khởi?

Đáp: Do hoặc của Tát-bà-đa được đồng thời, nay đặt thành câu vấn nạn này không phải là ngay Đại thừa.

Luận: “Hai chân kiến đạo”, đến “chắc chắn không thành tự”.

Thuật rằng: Nói rằng không có hoặc để được cùng với Thánh đạo đồng thời, chỉ nương vào chủng tử của hai chương mà lập dị sinh tánh,

chúng tử đó chắc chắn không cùng với kiến đạo đồng thời.

Hỏi: Thế nào là phàm Thánh có lỗi đồng thời thành tựu? Vô gián đạo khởi hoặc chủng không đồng thời, quá khứ đã diệt, vị lai chưa sinh thì như thế nào gọi là đoạn?

Luận: “Cũng như minh và ám”, đến “không có lỗi thành đồng thời”.

Thuật rằng: Do đây luận Đối Pháp quyển 7 hỏi: “Từ đâu mà được đoạn?”

Đáp: Không từ quá khứ, vì đã diệt. Không từ vị lai, vì chưa sinh. Không từ hiện tại, vì đạo không đồng thời, nhưng từ các phiền não thô trọng mà được đoạn, vì đoạn các phẩm thô trọng như vậy như vậy, sinh các phẩm đối trị như vậy như vậy. Hoặc phẩm đối trị này sinh thì phẩm thô trọng này diệt, cũng như trong thế gian minh sinh thì ám diệt. Do phẩm này lia trói buộc, khiến cho phiền não trụ trong vị lai không sinh trong pháp, đó gọi là đoạn, cho nên không phải đạo và hoặc có thể nói là đồng thời.

Hỏi: Đây là nói về đoạn, là đoạn duyên phược hay là đoạn tương ứng phược?

Đáp: Hoặc Sở tri chướng, chỉ nói là đoạn thô trọng, vì thế không phải là pháp trói buộc. Hoặc phiền não chướng từ hai thứ thô và trọng mà nói đoạn, quyển 59 ghi: “Đối trị đạo sinh, phiền não không khởi đắc vô sinh pháp, do đó nói là đoạn tương ứng của nó, tương ứng đã đoạn thì không duyên cảnh lại nữa”, cho nên từ sở duyên cũng nói là đoạn. Nói rằng thô trọng đoạn, tuy cũng thông với phiền não chướng, nhưng từ hai đoạn chỉ có trong phiền não. Lại nữa, chủng tử của Sở tri chướng chướng Thập Địa trí, là tánh nhiễm ô, khi Bồ-tát đoạn thì đoạn thể chủng tử của nó cũng như Nhị thừa đoạn chủng tử phiền não. Nhưng khi Nhị thừa đoạn chướng của định thì chỉ đoạn thô trọng, khiến cho tùy thuận lẫn nhau mà không đoạn chủng tử, không đồng với Bồ-tát.

Hỏi: Đây là nói về đoạn, là tổng duyên trí năng đoạn hay là duyên riêng trí năng đoạn? Điều này có lỗi gì? Trí tổng duyên không phải là tự tướng trí thì thế nào là trí của cộng tướng tỷ lượng có thể đoạn hoặc? Hoặc tướng riêng trí năng đoạn, tức là trái với văn của luận Đối Pháp và quyển 59. Luận Đối Pháp quyển 7 ghi: “Những tác ý nào là năng đoạn? Tổng duyên tác ý quán tất cả pháp đều là Vô ngã tánh có thể đoạn phiền não”. Sư Tử Giác nói: “Tổng duyên tác ý là hợp chung duyên cộng tướng hạnh tác ý của tất cả pháp”. Đáp như Phật Địa quyển 6 ghi: “Tại sao Phật có thể biết cộng tướng? Cộng tướng đã y theo tỷ lượng mà

lập thì lẽ nào Phật biết cộng tướng là tử lượng?” Luận đó có ba thuyết:

1. Thuyết thứ nhất có nghĩa hai lượng là tán tâm vị dựa vào hai tướng mà lập, không nói định tâm, hoặc tại định tâm duyên tất cả tướng đều là hiện lượng nhiếp, do tổng duyên trí này cũng là hiện lượng nhiếp đoạn hoặc không có lỗi, tức là do định chiếu soi tự thể của cộng tướng, nói định tâm là hiện lượng.

2. Thuyết thứ hai có nghĩa định tâm chỉ duyên tự tướng, nhưng do chỗ dẫn phương tiện của cộng tướng. Duyên chỗ hiển lý của các cộng tướng, ngay trên phương tiện mà gọi là tri cộng tướng, nếu không như vậy thì gọi là tri tự tướng. Do đạo lý này, hoặc nói Chân như gọi là Không Vô ngã chư pháp cộng tướng, hoặc nói Chân như là chỗ hiển của hai Không, không phải là cộng tướng. Do nghĩa này mà luận Đối Pháp ghi: “Duyên cộng tướng trí có thể đoạn hoặc”, là y theo phương tiện mà nói, thật ra tự tướng quán mới có thể đoạn nó.

3. Thuyết thứ ba là như thật nghĩa, nhân Minh luận kia lập tự tướng và cộng tướng cùng với luận có khác chút ít. Nhân Minh Luận: “Thật nghĩa trên tất cả pháp đều gọi là tự tướng, vì tự tướng và cộng tướng trên các pháp mỗi mỗi đều dựa vào thể, không chung với pháp khác. Hoặc phân biệt tâm lập một chủng loại năng thuyên và sở thuyên, thông với các pháp như dây râu hoa thì gọi là cộng tướng, điều này chủ yếu là Tán tâm phân biệt giả lập là cảnh của Tử lượng, tất cả định tâm lia phân biệt này thì đều gọi là hiện lượng”. Tuy duyên các pháp khổ, vô thường... nhưng mỗi mỗi pháp đều riêng có, cho nên gọi là tự tướng. Chân như tuy là chỗ hiển của cộng tướng, vì là tự thể tánh của chư pháp, vì tự nó có tướng, cũng không phải cộng tướng, không thể cho nó cùng với tất cả pháp là bất nhất bất dị thì gọi là cộng tướng, tự tướng cũng cùng với tất cả cộng tướng là bất nhất bất dị, cho nên luận kia bất đồng với luận này. Do nghĩa này, luận Đối Pháp ghi: “Duyên cộng tướng trí có thể đoạn hoặc”. Nướng vào phân biệt tâm trên một chủng Oai Chân như thông với các pháp mà gọi là cộng tướng. Hoặc chư pháp của thể Chân như đều có nghĩa gọi là cộng tướng, trí duyên tướng này thì gọi là cộng tướng trí. Luận về thật tánh của thật Chân như pháp không phải là cộng tướng, theo thật tế mà nói thì tướng riêng trí có thể đoạn hoặc. Cộng tướng giả lập như trước đã phân rõ.

Luận: “Khi khởi Vô gián đạo”, đến “hành vi giải thoát đạo”.

Thuật rằng: Thứ ba là giải thích hai đạo khác nhau. Chỗ trị của giải thoát đạo cùng với Tiểu thừa không đồng. Tiểu thừa vấn nạn rằng: “Vô gián đạo của tôi cũng có hoặc đắc, có thể khởi giải thoát đạo và

đắc tướng vi. Hiện tại Vô gián đạo của ông đã không có hoặc chứng thì dùng cái gì để khởi lại giải thoát đạo và dụng để làm gì?”

Luận: “Đoạn hoặc chứng diệt, thời kỳ của tâm khác nhau”.

Thuật rằng: Dưới đây là luận chủ đáp. Do gia hạnh trước mà thời kỳ của tâm khác nhau. Nói rằng Vô gián đạo có thể đoạn hoặc, giải thoát đạo có thể chứng diệt, tuy Vô gián đạo đã không có hoặc chứng, chứng Vô vi của nó thì có dụng này riêng khởi giải thoát đạo. Đây là một giải thích.

Luận: “Vì xả tánh của phẩm thô trọng kia”.

Thuật rằng: Dưới đây là giải thích thứ hai. Tánh thô trọng tức là tánh vô kham nhậm của chủng tử hai chướng.

Luận: “Khi khởi Vô gián đạo”, đến “trạch diệt Vô vi”.

Thuật rằng: Đồng thời với Vô gián đạo tuy không có hoặc chứng, nhưng chưa xả tánh vô kham nhậm của nó, để xả tánh này cho nên khởi giải thoát đạo. Giải thoát đạo khởi không chỉ để xả tánh này, mà còn chứng phẩm trạch diệt Vô vi này, tức là Vô kham nhậm và Vô gián đạo đồng thời diệt, chứng Vô vi được cùng với giải thoát đạo đồng thời sinh. Giải thoát đạo tuy không trái với hoặc đắc, nhưng cũng có dụng, điều này ý sau nói. Chứng sinh hiện tuy đồng thời, Bồ-tát Kim cương tâm do có tánh Thô Trọng cho nên không gọi là Phật. Thuyết minh Thức thứ tám của vị này cũng còn Hữu lậu làm sở y thô trọng. Nếu không như thế thì tại sao không gọi là Phật? Giải thích trước chỉ làm chứng Vô vi. Trong Kim cương tâm thì Thức thứ tám đã là Vô lậu, nhưng vì chưa viên minh cho nên không gọi là Phật, giải thích sau là thù thắng. Nương vào hai giải thích này, gồm cả xả vị của Thức thứ tám ở trước hợp chung lại giải thích có ba thứ, thêm một thuyết nữa nói: “Khi Kim cương đạo sinh thì Hữu lậu đều xả, vì chủng tử sinh hiện hành thì đồng thời”. Trong đây hai chữ thô trọng không phải chỉ cho chủng tử, do chủng tử mà khiến cho sở y không có tánh kham nhậm, đây gọi là thô trọng, tuy trước đã nói, nhưng đến sau sẽ biết.

Hỏi: Nghĩa này có thể như vậy, nhưng các địa trong Thập Địa kia thì đoạn phiền não chướng thô trọng, đã không đoạn chủng tử. Khi khởi Vô gián đạo, lại không đoạn thô trọng, Vô gián đạo khởi thì chỗ nào đoạn? Hoặc trong Vô gián đạo có dụng đoạn chủng tử phiền não thì đối với giải thoát vị có thể nói trừ thô trọng. Trong Vô gián đạo đã không có sở đoạn thì tại sao nói giải thoát đạo trị thô trọng?

Đáp: Tu đạo trong Thập Địa đoạn phiền não thô trọng, không phải lìa ngoài Sở tri chướng mà riêng khởi Vô gián đối trị đạo, nhưng phiền

não chướng thô trọng thì từ vô thủy đến nay cùng với Sở tri chướng đồng thời, Sở tri chướng làm gốc. Do Vô gián đạo đoạn chướng gốc cho nên phiền não ngọn thô trọng của nó cùng với Sở tri chướng thô trọng xả trong giải thoát đạo, cho nên không có lỗi này. Do đây phiền não thô trọng không phải có thể thọ sinh, chỉ chướng đối với địa, do đó cùng với Sở tri chướng đồng thời đoạn mà không giữ nó lại, cho nên không có lỗi này, như thân kiến... đến sau sẽ biết.

Hỏi: Nếu như thế thì như Nhị thừa chỉ đoạn định chướng mà không đoạn chủng tử, giai vị Vô gián đạo sinh không có thô trọng thì dụng nào khởi hành vi giải thoát đạo lại nữa?

Đáp: Vô gián đạo đoạn thô trọng, trong giải thoát đạo được tực tại.

Hỏi: Đã đoạn thô trọng thì đắc Vô vi hay không?

Đáp: Kinh Đại Bát-nhã quyển 360 ghi: “Thiện Hiện hỏi: Nếu pháp Vô vi không có sai biệt thì tại sao Phật nói tập khí tương tục? Như Lai vĩnh viễn không có, Nhị thừa thì còn có? Thế Tôn đáp: Tập khí tương tục thật ra không phải phiền não, trong thân Nhị thừa không thể dẫn vô nghĩa, trong thân Bồ-tát có thể dẫn vô nghĩa, Như Lai thì vĩnh viễn không có”, tức là do văn này hiển thị đoạn tập khí mà không đắc Vô vi, nếu không như thế thì Vô vi đáng lẽ có sai biệt, cũng hiển Sở tri chướng đoạn mà không đắc Vô vi, nhân tiện hiển ba Thừa cũng đắc Vô vi mà có sai biệt. Phần thứ năm cho rằng chướng này tức là hai mươi hai ngu.

Luận: “Tuy trong kiến đạo”, đến “là căn bản”.

Thuật rằng: Hiển thị chướng của dị sinh nhiếp pháp không hết, vì là căn bản cho nên không nói nghiệp. Chữ “đẳng” có nghĩa là đồng lấy phi nghiệp và phi Dị thực của các nẻo ác, cùng với pháp của quả tăng thượng khác, cùng với chỗ khởi nghiệp và quả trong nhân thiên thú, nói thẳng là nẻo ác nhiếp không hết. Trong năng khởi thì chỉ nói phiền não, vì Sở tri chướng cùng với phiền não đồng thời cho nên gọi chung là phiền não.

Luận: “Do đây Sơ địa”, đến “nghiệp quả đẳng”.

Thuật rằng: Giải Thâm Mật và quyển 78 nói đoạn đối với nhị ngu - như văn có thể hiểu - nghiệp quả đẳng, như chữ “đẳng” trên, là đồng lấy sự phân biệt chỗ khởi biệt báo nghiệp và quả trong nẻo thiện, nói thẳng là nẻo ác nhiếp không hết. Trong kinh đã nói, nẻo ác tạp nhiễm, là trước nói Vô ký nếu đoạn duyên phược là chỗ đoạn của Tu đạo. Hiện tại luận này nói quả kia là do bất sinh đoạn, như trong duyên khởi nói.

Đặt ra giải thích thứ hai này, tại sao nghiệp quả cũng gọi là ngu?

Luận: “Nên biết ngu phẩm”, đến “sau cứ theo đây mà giải thích”.

Thuật rằng: Tuy thể của các nghiệp quả không phải ngu, vì nghiệp là chỗ khởi của ngu, quả là chỗ cảm của ngu, phẩm của ngu cũng gọi là ngu, các địa sau cứ theo đây mà giải thích, như nghiệp thứ ngu của Địa thứ hai, vì không phải thể là ngu. Lại nữa, trong chấp ngã pháp chương đầu tiên, cũng có thể của tham và kiến... không phải là ngu, vì cũng là phẩm của ngu, dưới đây cứ theo đây mà hiểu. Nhưng trong phân biệt chương tuy có Sở tri chương, nhưng không phải có thể phát ra nghiệp cảm đối với sinh tử, vì không phải phược pháp. Hiện tại luận này chỗ phát nghiệp quả thứ nhất đều nói là nẻo ác, là lời hủy báng mắng nhiếc, như nói Bán-trạch-ca là nẻo ác trong cõi người.

Luận: “Hoặc kia chỉ nói”, đến “đồng thời khởi nhị ngu”.

Thuật rằng: Nói rằng câu nói thứ nhất chấp trước, thuyết minh là lợi chương phẩm đồng thời khởi ngu. Câu nói thứ hai nẻo ác tạp nhiễm không hẳn là nghiệp quả, chỉ là thuận chương phẩm đồng thời khởi ngu. Hủy báng trách mắng gọi là thú, trong đây không nói riêng phiền não khác, các phiền não khác chỉ là lợi chương phẩm và độn chương phẩm, cái ngu đồng thời khởi tức là chỉ cho vô minh. Ý của sư này nói chỉ lấy vô minh và kiến, không phải kiến đồng thời gọi là lợi và độn, nói trong Thập Địa đoạn mười vô minh, không nắm lấy các phiền não khác.

Luận: “Hai chữ thô trọng kia”, đến “không có tánh kham nhậm”.

Thuật rằng: Luận kia nói thô trọng, thô trọng là thế nào? Hiển tức là chủng tử của nhị ngu kia, hai phiền não trước là hiện hành, thô trọng là chủng tử.

Hỏi: Hiện hành đã diệt lâu rồi, thế nào nói là đoạn?

Đáp: Quyển 59 ghi: “Các phiền não đoạn, lược có hai thứ, một là chư triền đoạn, hai tùy miên đoạn, cho nên hai hiện hành cũng nói là đoạn.

Hỏi: Tại sao quyển kia không phải hàng phục hiện hành mà nói là đoạn?

Đáp: Không phải vậy, quyển 59 kia văn thứ tự giải thích câu nhị đoạn. Chư triền đoạn, là tham sân đoạn, cho đến nghi đoạn, năm Kiến đoạn, đoạn chỗ đoạn của đoạn kiến khổ, cho đến đoạn chỗ trói buộc của cõi Vô sắc. Đoạn Ly hệ là tùy miên đoạn, không phải khi hàng phục hoặc cũng là hàng phục các hoặc của kiến đạo, cho nên biết nhị ngu là hiện hành, thô trọng là chủng tử. Lại nữa, giải thích tùy theo ý

của ông thì hai phiền não trước là chủng tử, thô trọng không phải chủng tử. Hiện tại luận này mới là chỗ khởi của hai phẩm không có tánh kham nhận. Như các khổ căn nói về đoạn vị của nó.

Luận: “Như nhập hai định”, đến “nên giải thích theo lệ này”.

Thuật rằng: Luận Du-già quyển 11 ghi: “Định thứ hai đoạn khổ căn, chủng tử của khổ căn thì định thứ nhất đã đoạn. Hiện tại là đoạn khổ căn thô trọng của nó, nói Thiền thứ hai đoạn khổ căn của nó. Các địa thô trọng sau, cứ theo đây mà làm hai giải thích. Thứ sáu lấy chướng tức là vô minh, là đồng hay là dị?”

Luận: “Tuy chỗ đoạn của Sơ địa”, đến “mười chướng phẩm ngu”.

Thuật rằng: Trong đây có ý nói, Sơ địa thật ra đoạn hai Chướng, hiện tại luận này nói chướng của dị sinh tánh, chỉ lấy Sở tri chướng mà không lấy phiền não chướng, vì Nhiếp luận quyển 7 của Thế Thân nói: “Mười chủng vô minh mong Nhị thừa không phải nhiễm ô”. Hoặc lấy phiền não là mười vô minh thông với nhiễm ô, vì vô minh tức là ngu của mười chướng phẩm và ngu tức là vô minh. Ý gì mà không nói vô minh của Sơ địa thừa nhận là nhiễm ô thông với chủng tử của hai chướng?

Luận: “Nhị thừa cũng có thể”, đến “không phải chỗ nói ở đây”.

Thuật rằng: Nhị thừa cũng có thể đoạn phiền não chướng, vì đoạn phiền não chướng là cộng, không phải chỗ nói ở đây. Nhị thừa kia không thể đoạn Sở tri chướng, vì Sở tri chướng là bất cộng, cho nên vô minh của Sơ địa chỉ nói là bất nhiễm. Nhiếp luận của Thế Thân nói: “Lại nữa, chướng bị trị có mười thứ, cho nên lập riêng Thập Địa”.

Luận: “Lại nữa, mười vô minh”, đến “tu sở đoạn mà nói”.

Thuật rằng: Nói là bất nhiễm, tức là Nhiếp luận bản ghi: “Trong pháp giới có mười vô minh bất nhiễm ô”. Chỉ nương vào tu sở đoạn của Thập Địa mà nói, tức là không nói dị sinh tánh là Kiến đoạn. Làm sao biết được? Luận Đối Pháp quyển 14 ghi: “Đã đắc hiện quán thì trong Tu đạo vị kia chỉ tu đối trị đạo của Sở tri chướng”, cho nên không nói kiến đạo sở đoạn là mười vô minh tâm sở, vì nói là bất nhiễm. Hoặc dị sinh tánh thuận tiện nhiễm ô, do đây cho nên biết dị sinh tánh của nó không phải là bất nhiễm ô. Thế Thân lại nói: “Vì đối trị mười vô minh mà lập riêng Thập Địa”. Lìa ngoài mười chướng mà nói mười vô minh, cho nên mười vô minh không phải tức là mười chướng. Luận kia tự có hai phần, lại theo thứ tự giải thích mười vô minh. Nhưng luận vô tánh thì chỉ có một giải thích, cũng không nói riêng.

Hỏi: Tu đạo của Thập Địa cũng hàng phục phiền não, đoạn phiền

não chướng thô trọng kia, như nói hai chướng, ba xứ quá thì tại sao không nói?

Luận: “Tuy trong vị này”, đến “cho nên điều này không nói”.

Thuật rằng: Trong Tu đạo vị của Thập Địa cũng hàng phục phiền não và đoạn thô trọng của nó, nhưng mà không phải là chánh ý. Tại sao vậy? Vì không đoạn tùy miên, cho nên điều này không nói. Nhiếp luận Bốn và Thế Thân nói: “Thập Địa Bồ-tát lưu lại phiền não chướng để trợ cho nguyện thọ sinh, cho nên không phải là chánh ý. Ý thú đối với trí đoạn Sở tri chướng cho nên đoạn tùy miên, không đoạn tùy miên của phiền não”.

Luận: “Lý thật Sơ địa”, đến “cứ theo đây nên biết”.

Thuật rằng: Luận chủ đáp. Tuy thật Sơ địa đã nêu ra kiến đạo. Trong Tu đạo vị, cũng đoạn một phần của câu sinh Sở tri. Trong mười chướng này thì từ sơ chướng mà nói, cho nên không nói tu chướng. Sơ địa đã từ sơ chướng mà nói, chín địa sau là chỗ nói về chín chướng. Cứ theo đây nên biết đều từ sơ mà nói. Làm sao biết được tâm nhập địa của Sơ địa... nêu ra kiến đạo đã lại đoạn trừ hoặc?

Luận: “Trong trụ và mãn địa”, đến “đạo đáng lẽ không có khác”.

Thuật rằng: Hiện tại lấy lý để đáp. Thời trong trụ địa và mãn địa đã lâu xa, là hai Tăng-kỳ, lý càng nên đoạn, nếu không đoạn như thế thì đạo trong ba thời của địa đã không có ba phẩm, đáng lẽ không có riêng khác.

Luận: “Cho nên nói Bồ-tát”, đến “mới đốn đoạn”.

Thuật rằng: dẫn văn của luận Đối Pháp quyển 14 để làm chứng. Nếu tâm của trụ địa và mãn địa càng không đoạn hoặc thì tại sao luận nói Tu đạo của Thập Địa tức là chỉ đoạn kiến hoặc trong Sơ địa? Lại không đoạn tu hoặc, địa có chín. Lại nữa, Nhiếp luận quyển 10 ghi: “Phiền não ẩn nấp không bị diệt mất, như chỗ hại của độc dược và chú thuật, lưu giữ hoặc đến khi hoặc tận, chứng tất cả trí của Phật”. Thế Thân nói: “Vì lưu giữ phiền não và tùy miên, không giống như Nhị thừa mau chóng tiến đến viên tịch, cho nên lưu giữ phiền não lại để trợ cho nguyện thọ sinh”. Là các hàng Bồ-tát do đại bi lực, ý hướng tất cả trí, ý hướng đối trị đạo của Sở tri chướng, không lấy đối trị đạo của phiền não, nghĩ đến sinh tử, trợ cho bi nguyện thọ sinh, gọi là lưu giữ phiền não. Không như thế thì đại bi tối cực của Như Lai, đáng lẽ lưu giữ phiền não tùy loại hóa sinh, do đây nên biết ý không hướng đến đoạn cho nên gọi là lưu, khi sắp thành Phật mới nhanh chóng đoạn hết. Đây là văn

của luận Đối Pháp quyển 14.

Luận: “Chướng của nhị tà hạnh”, đến “lâm phạm ba nghiệp”.

Thuật rằng: Thập Địa ghi: “Tà hạnh chướng đối với thân của chúng sinh”. Nhiếp luận của Thế Thân nói: “Tà hạnh chướng đối với thân của chư hữu tình”, ý nghĩa phần lớn đều đồng. Sở tri chướng là lựa riêng với phiền não chướng, hai chữ câu sinh là lựa riêng với sự riêng khởi, nói một phần là lựa riêng với tu đoạn các Sở tri chướng khác. Dưới đây cứ theo đó mà hiểu, lâm phạm ba nghiệp gọi là ngu, là ngu phẩm, giải thích như trước.

Hỏi: Trong hai thứ sinh tử trước, nói Sở tri chướng không thể phát nghiệp, tại sao trong đây lại nói một phần chỗ phát ba nghiệp của câu sinh là nghiệp thú ngu? Luận Phật Địa quyển 7 cũng ghi: “Nếu sở đắc nghiệp và sở đắc quả đều là thể của Sở tri chướng”.

Đáp: Nếu phát nghiệp chiêu cảm sinh tử thì Sở tri chướng không thể, vì không phải là pháp trói buộc. Hai sinh tử trước do đây mà nói không phát, hoặc chướng trí thì ba nghiệp không chiêu ác quả, điều này cũng có thể phát. Chỗ thuyết minh của văn này chỉ là Đăng lưu và tăng thượng nghiệp quả.

Hỏi: Pháp chấp đã thông với Bất thiện, tại sao không phải là phược?

Đáp: Không do tánh của Bất thiện là phược, như tâm vương thì tánh tức là phi phược. Pháp chấp thì chỉ do phiền não đồng thời cho nên khiến trở thành Bất thiện, không phải tánh là phược.

Hỏi: Đã như thế tại sao không chiêu cảm Dị thực?

Đáp: Thật nghĩa này tuy Bất thiện tâm đồng thời nhưng vẫn gọi là Vô ký. Chỗ mong của Bồ-tát và Nhị thừa mỗi mỗi đều khác, tức là thông với Hữu phú và Vô phú Vô ký, không thể chiêu cảm quả Dị thực, cho nên không có câu vấn nạn trước.

Luận: “Kia chướng hai Địa”, đến “lâm phạm ba nghiệp”.

Thuật rằng: nghiệp này có thể chướng Địa thứ hai tịnh Thi-la, gọi là thú hủy trách (hủy báng trách mắng) mà đặt tên, như nẻo ác của cõi người, không thể nói rằng lấy thú mà đặt tên cho thú, vì không lấy ác quả. Thô trọng như trước cho nên không giải thích riêng. Ngoài ra trong luận nói thân nghiệp... tức là ba nghiệp, đây là nói về tà hạnh đã nhiếp hết.

Luận: “Hoặc chỉ khởi nghiệp, ngu không hiểu rõ nghiệp”.

Thuật rằng: Giải thích thứ hai, thứ nhất là ngu khởi nghiệp, thứ hai là ngu không hiểu rõ nghiệp, không phải sở phát nghiệp, cũng không

phải là năng phát nghiệp, vì cảnh và dụng khác nhau.

Luận: “Ba ám độn chướng”, đến “tu pháp vong thất”.

Thuật rằng: Kinh Thập Địa ghi: “Ám tương đối với chư pháp của văn tứ tu quên chướng”. Nhiếp luận của Thế Thân nói: “Ba trì độn tánh đối với văn tứ tu mà có vong thất (quên mất)”.

Luận: “Ám độn kia chướng ba địa”, đến “liền có thể vĩnh đoạn”.

Thuật rằng: Thắng định là đẳng trì và Đẳng chí, tùy theo các thiền và các vô sắc Vô lậu định. Tổng trì, quyển 47 Phật Địa ghi: “Tức là lấy niệm và tuệ làm thể”. Quyển 45 ghi: “Có bốn Đà-ra-ni, là pháp, nghĩa, chú và năng đắc Bồ-tát nhãn”. Hiện tại thì nghĩa thứ nhất và thứ hai nhiếp tổng trì, tức là nghe trì Đà-ra-ni và chỗ phát ba tuệ là định. Định thì thân cận phát sinh tu tuệ, tổng trì thì thân cận phát sinh văn và tư, cho nên hợp chung làm chỗ phát ba tuệ thù thắng kia, ba tuệ lấy tuệ làm thể. Nói tu tuệ và nhân theo tu tuệ mà đắc tuệ này, cho nên nói là tu tuệ. Từ nhân mà đặt tên cho nên không phải tu tức là tuệ, vì tu là định.

Luận: “Do ba tuệ này”, đến “và tu tuệ”.

Thuật rằng: Dục tham ngu chướng thắng định và tu tuệ, tức là do nơi năm dục khởi tham, phần nhiều trụ trong tán loạn, chướng định và chướng tu tuệ. Tu tuệ cùng với định gần nhau cho nên chỉ nói chướng, không phải không chướng tư tuệ.

Hỏi: Dục tham là tên của phiền não, tại sao trong Sở tri chướng gọi là dục tham?

Luận: “Sở tri xưa phần nhiều cùng với”, đến “y Sở tri mà chuyển”.

Thuật rằng: Sở tri chướng kia, ngu thứ ba này phần nhiều cùng với dục tham trong phiền não đồng thời cho nên gọi là dục tham ngu, không phải Sở tri chướng gọi là dục tham, nó chướng định và chướng tu tuệ. Sở tri chướng vĩnh viễn đoạn, là nói dục tham tùy ẩn nấp, vì Sở tri là gốc đoạn, phiền não là ngọn thì liền ẩn nấp. Phiền não này từ vô thỉ đến nay y theo Sở tri chướng mà chuyển.

Luận: “Hai viên mãn văn trì”, đến “văn và tư tuệ”.

Thuật rằng: Vì văn tư và văn trì gần nhau cho nên nói thiên về nó. Không phải không chướng tu tuệ, nhưng từ chướng thù thắng cho nên phân riêng làm hai, không phải nghĩa của một chướng thể nói là hai chướng. Đây là lấy ngu của ba địa trên, quyển 78 đều không đồng.

Luận: “Bốn vi tế phiền não hiện hành chướng”, đến “nói là vi tế”.

Thuật rằng: Thập Địa ghi: “Giải thích pháp mạn chướng, các nhà

phiền dịch gọi là khác nhau, tức là ngã kiến mạn”. Thế Thân Nhiếp luận ghi: “Vi tế phiền não hiện hành, câu sinh thân kiến nhiếp”. Đây là hạ phẩm, vì không khởi ý duyên, xa tùy theo hiện hành, nên biết là vi tế, ý nghĩa phần lớn đều đồng. Trong đây nói Thức thứ sáu đồng thời với thân kiến, lựa riêng với đồng thời của Thức thứ bảy. Chữ “đẳng” có nghĩa đồng lấy ngã sở biên kiến, ngã mạn và ngã ái, cùng với kiến đồng thời, đều là phẩm này, đồng lấy định ái và pháp ái của nó, đến sau sẽ biết. Tại sao gọi là vi tế? Giải thích là hạ phẩm, là Thức thứ sáu cũng có pháp của phân biệt thân kiến, nhưng nó là thô mạnh cho nên gọi là thượng phẩm, độ đầu tham trong Thức thứ sáu gọi là trung phẩm, vì thông với tánh Bất thiện. Phẩm này mong hai phẩm kia, vì là hạ phẩm cho nên hành tướng rất vi tế và chỉ có Vô ký. Lại nữa, không khởi ý duyên cho nên gọi là hạ phẩm, tức là mặc tình sinh cho nên gọi là hạ phẩm, không giống Kiến đoạn cương ép tư (tư duy) mới sinh. Lại nữa, vì xa tùy theo hiện hành, tức là từ xưa đến nay rong đuổi theo thân, không xả thân gọi là hạ phẩm, không giống như phân biệt khởi, gặp bạn tốt thì liền xả, đây gọi là hạ phẩm. Do ba nghĩa này cho nên gọi là vi tế, ngoài ra luận căn cứ theo đây giải thích.

Luận: “Kia chướng Tứ địa”, đến “liền có thể vĩnh đoạn”.

Thuật rằng: Những thứ này chướng Bồ-đề phần pháp, cho nên Địa thứ tư đoạn nó.

Hỏi: Như thế nào là thân kiến chướng Bồ-đề phần?

Đáp: Do có thân kiến đồng thời với ái mà mê chấp thân, không được quán thân là Bất tịnh, quán pháp là Vô ngã... Bồ-đề phần thì thông với Chướng. Luận Trung Biên quyển 1 có Bồ-đề phần Chướng.

Hỏi: Đã là Sở tri chướng thì tại sao lập tên phiền não?

Luận: “Sở tri xưa phần nhiều với”, đến “cũng vĩnh viễn không hiện hành”.

Thuật rằng: Cũng hiển Sở tri chướng trên lập tên phiền não, tuy có khác đầu sinh, nhưng đều gọi là phần, cùng với phiền não đồng một thể mà đồng thời khởi. Lập tên của phiền não là do Sở tri chướng đoạn, ngọn của phiền não cũng vĩnh viễn không hiện hành, từ phiền não đặt tên cho nên nói là đoạn.

Hỏi: Tại sao Sơ địa, hai Địa và ba Địa không đoạn ngã kiến?

Đáp: Vì không phải chướng pháp.

Luận: “Sơ, hai, ba Địa”, đến “hai thân kiến”.

Thuật rằng: Sơ địa thì hành bố thí, hai Địa hành giới, ba Địa thì hành tu, tương đồng với thế gian, vì hữu tình thế gian phần nhiều là tạo

tác ba sự phước nghiệp này, chưa có thể tu chứng Bồ-đề phần pháp. Địa thứ tư này thì tu chứng Bồ-đề phần pháp mới gọi là xuất thế, cho nên có thể vĩnh viễn hại hai thân kiến. Hai thân kiến là sơ kiến đạo đã lia phân biệt thân kiến trong Thức thứ sáu, sau đó lia câu sinh thân kiến trong Thức thứ sáu, các kinh luận đều gọi là hai thân kiến, không phải hiện tại lia hai thứ như định thứ tư diệt khổ lạc. Lại nữa, chánh đoạn thân kiến của Sở tri chương thì đều vĩnh viễn không khởi thân kiến trong phiền não chương, cho nên nói hai thân kiến gọi là vĩnh hại, không phải thân kiến của phiền não cũng khởi đối trị.

Luận: “Làm sao biết thân kiến này cùng Thức thứ sáu đồng thời”.

Thuật rằng: Đây là hỏi.

Luận: “Thức thứ bảy đồng thời”, đến “làm chỗ y trì”.

Thuật rằng: Thức thứ bảy đồng thời với pháp của thân kiến, cùng với tánh của Vô lậu đạo trái nhau. Từ Địa thứ bảy trở lại cũng còn có Hữu lậu đạo, vì chưa hoàn toàn phục diệt, từ Địa thứ tám trở đi thì Hữu lậu tương tục mới vĩnh viễn không hiện hành. Từ Địa thứ bảy trở lại thì đặc hiện khởi, cùng với tham sân và các phiền não khác làm chỗ y trì, hoặc phiền não là Thức thứ bảy của nó đồng thời. Địa thứ bảy trở lại đã thừa nhận là diệt thì tham sân... trở về trước đáng lẽ đã diệt, không có chỗ y trì, như Địa thứ tám, thứ chín và thứ mười.

Luận: “Đây thì thô kia thì tế”, đến “Tương ứng thứ sáu”.

Thuật rằng: Lại nữa, đồng thời với Thức thứ sáu này là thô, đồng thời với Thức thứ bảy kia là tế, hàng phục thì có trước và sau, thô thì hàng phục trước, tế thì hàng phục sau, cho nên thân kiến này chỉ là Thức thứ sáu tương ứng. Giải Thâm Mật và quyển 78 ghi: “Bạch Thế Tôn! Chư địa này phiền não và tùy miên có mấy thứ? Thiệm nam tử! Có ba thứ: một là hại bạn, là năm Địa trước, các phiền não không câu sinh và không hiện hành, là phiền não đồng thời sinh hiện hành trợ bạn, phiền não kia trong lúc này vĩnh viễn không còn nữa, gọi là hại bạn tùy miên; hai là luy liệt (yếu kém), là Địa thứ sáu và Địa thứ bảy hiện hành vi tế, hoặc chỗ hàng phục của tu không hiện hành; ba là vi tế, là Địa thứ tám trở lên, từ đó trở đi tất cả phiền não không khởi hiện hành, chỉ có sở y và Sở tri chương còn, cho nên biết chỗ hàng phục là Thức thứ sáu không phải Thức thứ bảy.

Hỏi: Nhân theo luận mà sinh luận, thế nào là hại bạn?

Đáp: Như chương đoạn chương đã giải thích rồi.

Luận: “Thân kiến mà nói”, đến “riêng trái với nó”.

Thuật rằng: Nói về thân kiến, không phải chỉ có tham si mạn và các Tùy phiền não khác đồng thời hiện hành, cũng nhiếp hai thứ ái vô thỉ là định ái và pháp ái. Định ái và pháp ái riêng trái với Bồ-đề phần pháp, vì Bồ-đề phần pháp đặc Vô lậu định và thắng Vô lậu giáo pháp, và các pháp khác nữa. Địa trước chiếu rõ Đại thừa pháp giáo vẫn sinh ái nhiễm, giáo pháp của Địa này cùng với niệm tuệ mới gọi là đặc. Hiện tại đã ở nơi định, nơi giáo pháp và niệm tuệ mà khởi ái, vì đối với thân kiến kia chưa đặc tự tại, vì chướng Bồ-đề phần, gọi là riêng trái nghịch. Trì độn chướng của địa trước chướng định và quên mất chỗ nghe và tư duy pháp, định này chỉ chướng Bồ-đề phần, cho nên có sai biệt.

Luận: “Do bốn Địa này”, đến “cũng vĩnh viễn không hiện hành”.

Thuật rằng: Nên giải thích như trước, vẫn còn lại dễ hiểu, khỏi nhọc giải thích lại.

Luận: “Năm Địa đối với hạ thừa nhập Niết-bàn”, đến “ưa thích Niết-bàn”.

Thuật rằng: Kinh Thập Địa ghi: “Thân thì đặc ngã mạn chướng”. Thế Thân Nhiếp luận cùng với luận này thì danh đồng. Địa trước y theo giác phần mà quán, quán thân thọ và Vô lậu đạo, do Sở tri chướng sai khiến tâm thiện cho nên có ưa chán.

Hỏi: Chân như của Địa này gọi là vô sai biệt, sinh tử và Niết-bàn đã không có sai biệt thì có gì để chán mà lại có ưa? Vẫn còn lại dễ hiểu.

Luận: “Sáu tướng thô hiện hành chướng”, đến “liền có thể vĩnh viễn đoạn”.

Thuật rằng: Kinh Thập Địa ghi: “Vi Tế phiền não tập chướng”. Thế Thân Nhiếp luận ghi: “Tướng thô hiện hành, Địa thứ mười mong năm Địa trước cho nên nói là vi tế”. Thế Thân cùng với luận này đồng, mong Địa thứ bảy sau thì gọi là tướng thô, cũng không trái nhau. Do Địa trước quán bốn Đế cho nên có hai nhiễm và hai tịnh, do đó chướng Vô nhiễm tịnh đạo của Địa thứ sáu, Chân như của địa này gọi là Vô nhiễm tịnh, cho nên duyên đạo của nó thì gọi là Vô nhiễm tịnh, khi duyên của nó khởi thì mong bốn Đế làm tế, mong Chướng sau cho nên nói sáu Địa này làm thô.

Luận: “Do sáu Địa này”, đến “chấp có tịnh”.

Thuật rằng: duyên hành tướng lưu chuyển của khổ và tập làm chướng, chấp có nhiễm là tướng nhiều hiện hành, tức là chướng quán duyên khởi hoàn diệt, duyên diệt thì tướng của đạo tịnh làm chướng.

Luận: “Thủ tịnh tướng cho nên”, đến “trụ vô tướng quán”.

Thuật rằng: Do nắm lấy Vô lậu tịnh tướng, cho nên tướng quán nhiều hạnh, chưa có thể nhiều thời gian trụ vô tướng quán, tức là Hậu đắc trí khởi Hữu tướng tịnh quán, tuy khởi vô tướng ít thời gian thì có thể. Giải Thâm Mật ghi: “Quán sát hiện tiền hạnh lưu chuyển ngu”. Nói hiện tiền là quán hiện tiền pháp nhiệm Hữu lậu.

Luận: “Bảy tế tướng hiện hành chướng”, đến “liền có thể vĩnh đoạn”.

Thuật rằng: Thập Địa ghi: “Tế tướng huân tập chướng”, Thế Thân đồng với đây. Do sáu Địa trước khởi quán duyên khởi, lưu chuyển hoàn diệt cũng còn có tướng vi tế sinh diệt cho nên gọi là chướng, Chân như của địa này gọi là chủng chủng vô biệt Chân như, cho nên đạo này gọi là diệu Vô tướng đạo. Đây là tế tướng làm chướng.

Luận: “Do Địa thứ bảy này”, đến “tế diệt tướng”.

Thuật rằng: Tế tướng hiện hành, chấp có sinh là vì hành lưu chuyển thì lấy sinh làm đầu, thật ra là đều có diệt. Đối với Hữu lậu có sinh lại đưa ra nhất sinh, không phải không chấp diệt, tức là chấp tướng lưu chuyển, thuần là khởi ý cầu vô tướng ngu, tức là chấp có diệt, là chấp hoàn diệt tướng.

Luận: “Thuần đối với vô tướng”, đến “khởi hữu thắng hạnh”.

Thuật rằng: Địa trước còn nắm lấy tế diệt tướng của hoàn diệt, thuần đối với vô tướng mà khởi ý cần cầu, chưa có thể khởi hữu thắng hạnh trong Không. Hiện tại trong địa này đã trừ chướng này, có thể đối với vô tướng mà chuyên cần cầu, là ở trong Không mà khởi hữu thắng hạnh. Chỗ nói Không là, lý Không của vô tướng, trong Không khởi hữu hạnh, tức là trong chân quán khởi hữu quán, ngu tối hai cảnh chân và tục, hợp chung với hai trí là căn bản trí và hậu đắc trí, ít dụng công sức, tức là năng đắc, không đồng với Địa thứ năm. Kinh Thập Địa quyển 9 ghi: “Địa thứ bảy lấy mười thứ phương tiện trí, phát khởi hạnh thù thắng mà nhập”. Luận đó giải thích rằng: “Khi Vô chướng ngại trí hiện tiền thì trong vô tác hạnh sinh tâm an lạc. Vô tác hạnh tức là Không hạnh. Hiện tại luận này nói phi an lập tức là vô tác hạnh.

Luận: “Trong tám vô tướng”, đến “bất mặc tình dấy khởi”.

Thuật rằng: Trong văn có bốn đoạn:

1. Nêu thể.
2. Phân rõ tướng.
3. Tức ngu.
4. Hiện hữu.

Đây là nêu thể. Thập Địa ghi: “Đối với vô tướng hữu hạnh chương”. Thế Thân Nhiếp luận ghi: “Vô tướng tác hạnh”. Nghĩa ý phần lớn đều đồng, vẫn còn lại dễ hiểu.

Luận: “Năm địa trước”, đến “mà có gia hạnh”.

Thuật rằng: Đây là phần thứ hai phân rõ tướng. Quán tâm của năm Địa trước cũng còn yếu, vô tướng quán thì ít. Trong Địa thứ sáu cũng còn quán nhiệm tịnh bình đẳng Chân như cho nên phần nhiều là trụ vô tướng. Trong Địa thứ bảy thì đoạn VI Tế sinh diệt tướng, vô tướng hằng tướng tục mà có gia hạnh, cùng với Địa thứ tám khác nhau.

Luận: “Do trong vô tướng”, đến “đắc hai tự tại”.

Thuật rằng: Người chưa có thể nhập vô tướng quán thì không tự tại, chưa có thể mặc tình hiện tướng và độ (cõi), thuyết minh Địa này trở về trước cũng là hiện tướng và độ, chưa gọi là tự tại, vì chưa có thể mặc tình hiện. Nói hiện tướng, tức là tùy dục hiện tướng gì thì có thể hiện tướng đó, như hiện các tướng kim ngân châu báu thì đều có thể hiện được. Đây tức là rộng khắp, là trong tướng mà riêng lập cõi tự tại. Cõi tự tại là muốn hiện quốc độ lớn hay nhỏ, hiện các màu sắc vàng hay bạc thì có thể hiện được. Độ (cõi) tức là hẹp; độ là giả, riêng năng y; tướng là thật, riêng riêng sở y, vì trong tướng mà phân lập riêng.

Luận: “Do tám Địa này”, đến “tướng một phần”.

Thuật rằng: Đây là thứ ba tức ngu. Văn đó dễ hiểu cho nên không giải thích.

Luận: “Địa thứ tám trở lên”, đến “không trái với nó”.

Thuật rằng: Đây là thứ tư hiển hữu. Địa này trở đi, tất cả phiền não tuy không hiện hành, nhưng Sở tri chương vi tế cũng còn có thể hiện hành, đây là Thức thứ bảy lấy sinh không trí vô phân biệt cùng với quả tức là diệt tận định và sinh không hậu đắc trí đều có thể hiện hành, vì pháp chấp Mạt-na không trái với đó.

Hỏi: Nếu Đăng lưu hậu đắc trí pháp chấp còn khởi thì Địa thứ tám trở lên Vô lậu tướng tục, không có một thời nào là không phải Đăng lưu này, tại sao nói hai quán Đăng lưu khác nhau?

Đáp: Do trí vô phân biệt sinh pháp, chỗ dẫn của thế lực dụng hai quán gần xa cho nên được riêng biệt. Như trước đã giải thích.

Luận: “Trong chín lợi tha không muốn hành chương”, đến “liền có thể vĩnh viễn đoạn”.

Thuật rằng: Văn này có bốn đoạn:

1. Nêu thể.
2. Sở chương.

3. Tức ngu.

4. Tổng kết. Đây là đoạn thứ nhất và thứ hai. Thập Địa ghi: “Không thể khéo lợi ích cho chướng của chúng sinh”. Thế Thân nói: “Đối với nhiều ích hữu tình không khởi hạnh”. Nghĩa ý cũng đồng với đặc vô tướng lạc trong tám Địa trước. Đam mê tịch diệt không chịu tiến tu, chư Phật khuyến khích bảy lần mới chịu tiến tới, cho nên chỉ có chướng tự lợi của chín Địa, vì pháp lợi tha của tứ vô ngại giải.

Luận: “Do chín Địa này”, đến “tất cả âm thanh”.

Thuật rằng: Đây là thứ ba tức ngu, trong đó có hai phần:

1. Tổng.

2. Biệt.

Trong Biệt có hai phần:

1. Nêu.

2. Giải thích.

Giải Thâm Mật và quyển 78 ghi: “Một là chỗ thuyết pháp vô lượng - tức là nghĩa vô ngại giải trong đây - vô lượng pháp cú văn tự - tức là pháp vô ngại giải trong đây”. Luận kia nói pháp là danh thân, cú là cú thân, văn tự là tự thân. Luận này chính là nói danh cú tự. Văn kia có ẩn mật chút ít, sau Tuệ biện có thể giải thích, tức là chữ Đà-la-ni suốt thông với ba Vô Ngại giải. Tùy theo một Năng thuyên trong danh cú văn mà hiển hiện tất cả năng thuyên danh, là pháp vô ngại giải. Trong một phương âm thanh mà hiển hiện tất cả phương âm thanh, là từ vô ngại giải. Hoặc rất ít trong một phương một danh mà hiển hiện danh của tất cả phương trên các pháp, trong một phương một tiếng niệm mà hiển hiện tất cả âm thanh, là cảnh sai biệt của nhị vô ngại giải. Loại trước là giả danh nhiếp, loại sau thì thật thể tức là âm thanh.

Luận: “Hai biện tài tự tại ngu”, đến “khéo vì người mà nói”.

Thuật rằng: Là biện vô ngại giải, có thể phương tiện khéo thuyết pháp thậm thâm, tức là bảy thứ biện: Tấn biện, Ứng biện, Tiệp biện, Vô sơ mâu biện, Vô đoạn tận biện, phạm sở dẫn Thuyết Phong Nghĩa Vị Biện và Tất cả thế gian tối thắng diệu biện, đó là cao thấp, trước sau, lớn nhỏ...

Luận: “ngu có thể chướng các thứ này”, đến “Chướng nhiếp thứ chín”.

Thuật rằng: Thứ tư là tổng kết, văn đó dễ hiểu. Bốn thể tánh các môn này, như luận Đối Pháp quyển 14 Sao và Biệt sao nói.

Luận: “Thập Địa đối với chư pháp”, đến “chỗ Khởi sự nghiệp”.

Thuật rằng: Văn có ba đoạn:

1. Nêu thể.
2. Sở chương.
3. Tức ngu.

Đây là đoạn thứ nhất và thứ hai. Các luận còn lại thì tên đồng với Đại pháp là Chân như. Trí duyên Chân như ví như vầng mây lớn, cho nên gọi là Đại pháp trí vân, cùng với sở hàm tàng tức là các công đức của Đà-ra-ni môn và Tam-ma-địa môn, vì Đại pháp trí vân hàm chứa nhiều đức thủy đầy khắp pháp thân. Sở hàm tàng tức là các công đức, sở khởi sự nghiệp tức là chỗ khởi các đại thần thông của trí.

Luận: “Khi nhập Thập Địa”, đến “và sở hàm tàng”.

Thuật rằng: Dưới đây là tức ngu, văn đó dễ hiểu, cứ theo trên mà phối hợp nắm lấy. Vi tế bí mật tức là sở chương vi tế cũng là bí mật. Luận Thập Địa quyển 11, 12 và Bồ-tát địa quyển 48 ghi: “Tính lương công đức của Địa trước và Địa sau nhiều hay ít”. Nhưng mười chương thì các luận không đồng, đối chiếu thuyết minh sơ lược đã xong.

Luận: “Địa này đối với pháp”, đến “nhập Như Lai địa”.

Thuật rằng: đoạn thứ nhất có bốn phần:

1. Nêu.
2. Hiện.
3. tức là.
4. Làm chứng.

Đây là phần thứ nhất và thứ hai. Nhưng Địa thứ mười thì chương còn tồn tại cho nên không gọi là Phật. Giải Thâm Mật ghi: “Địa thứ mười này tuy đối với các pháp đặc tự tại, tức là đối với nghĩa của nghiệp tự tại, nghĩa tự tại của Đà-ra-ni môn và Tam-ma-địa môn, gọi chung là đối với pháp mà đặc tự tại. Tổng trì và định, gồm cả nghiệp đều gọi là pháp, do tổng trì mà gọi là pháp trì.

Luận: “Do Phật Địa này”, đến “chủng tử của phiền não chương”.

Thuật rằng: Đây là thứ ba tức ngu, văn đó dễ hiểu, khởi nhọc giải thích lại. Đây là chỉ nói chủng tử cũng có thô và trọng.

Luận: “Cho nên Tập luận nói”, đến “Đại Bồ-đề”.

Thuật rằng: Thứ tư dẫn chứng, nghĩa này dễ hiểu, như Tập luận quyển 14 ngọn nói. Nói đốn đoạn, rộng như Giải Thâm Mật và quyển 78 nói. Bồ-tát địa luận và luận Thập Địa mỗi mỗi đều đối với các địa thuyết minh công đức trí tuệ không đồng, hiện tại không phiền dẫn ra. Thập Địa quyển 11 ghi: “Bồ-tát địa thứ chín dùng pháp vô ngại trí để biết tự tướng của các pháp, lấy nghĩa vô ngại trí để biết sai tương riêng

của các pháp, lấy từ vô ngại trí để biết bất hoại thuyết các pháp, dùng nhạo thuyết vô ngại trí để biết các pháp thứ tự bất đoạn thuyết (nói không dứt).

Lại giải thích thêm nữa: Thứ nhất là biết pháp không có thể tánh; thứ hai là biết tương sinh diệt của pháp; thứ ba là biết pháp giả danh, nhưng không đoạn giả danh pháp mà nói; thứ tư là tùy giả danh bất hoại vô biên pháp mà nói.

Lại giải thích nữa: một là biết pháp sai biệt, hai là biết nghĩa sai biệt, ba là tùy ngôn âm mà vì thuyết pháp, bốn là tùy chỗ ưa hiểu mà vì thuyết pháp. Luận kia có nói nhiều chữ “lại nữa”, không thể dẫn ra hết. Nên xem luận Du-già quyển 66, nghĩa chữ tu không đồng trong luận này.

